

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<i>STT</i>	<i>Ký hiệu viết tắt</i>	<i>Chữ viết tắt</i>
1	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
2	HBBH	Hàng bán bị hỏng
3	CKTM	Chiết khấu thương mại
4	GGHB	Giảm giá hàng bán
5	HĐ GTGT	Hóa đơn Giá trị gia tăng
6	NSNN	Ngân sách Nhà nước
7	NTGS	Ngày tháng ghi sổ
8	SHTKĐƯ	Số hiệu tài khoản đối ứng
9	Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
10	Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
11	Thuế TTĐB	Thuế Tiêu thụ đặc biệt
12	Thuế XK	Thuế Xuất khẩu
13	TK	Tài khoản

LỜI MỞ ĐẦU

Bước sang thời kỳ đổi mới đất nước, thời kỳ nền kinh tế thị trường, với chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước đưa ra nhằm duy trì cơ chế mới, kích thích phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt từ khi luật Doanh nghiệp chính thức có hiệu lực (tháng 01/2000) đã khẳng định một bước đổi mới trong hệ thống pháp lý, tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động,

Bên cạnh đó, việc sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội ngày càng tăng, việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá là vấn đề quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tiêu thụ là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh. Thông qua tiêu thụ, giá trị sử dụng của sản phẩm được thực hiện, đơn vị thu hồi được vốn bỏ ra, và biểu hiện dưới hình thức lợi nhuận.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh gay gắt, công ty TNHH Xuân Hà đã tồn tại và phát triển, chủ động trong việc tiêu thụ hàng hoá. Quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Xuân Hà, em đã lựa chọn đề tài : ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà”***.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài báo cáo của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1, Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

1.1.1, Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mục đích cuối cùng trong kinh doanh đối với bất kì doanh nghiệp nào là tối đa hóa lợi nhuận và phát triển bền vững. Tuy nhiên, trước khi tạo ra được lợi nhuận doanh nghiệp đã phải đầu tư và tốn rất nhiều chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh. Một doanh nghiệp phát triển bền vững là nhân tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển. Vì vậy, tiết kiệm được càng nhiều chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ càng tăng lên, và chủ sở hữu sẽ tiến dần đến mục tiêu của mình. Vì vậy, nắm vững được công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ biết được tổng chi phí bạn sẽ đặt được giá bán sao cho có lợi nhuận, kiểm soát và giảm các chi phí, đưa ra các chiến lược kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh cho tương lai, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

1.1.2, Các khái niệm cơ bản

❖ Doanh thu

+ *Doanh thu* là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

+ *Doanh thu* được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp của hàng đã tiêu thụ.

Các loại Doanh thu:

+ *Doanh thu bán hàng*: Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” là khoản tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các sản phẩm hàng hóa được xác định là bán trong kỳ kế toán đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

+ *Doanh thu cung cấp dịch vụ* là khoản tiền thu được từ việc thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong một hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản theo phương thức hoạt động, doanh thu bất động sản đầu tư. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ **Các khoản giảm trừ doanh thu** là số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính vào doanh thu hoạt động kinh doanh.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- *Giảm giá hàng bán* là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại* là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

Ngoài ra, các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm:

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt* : là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- *Thuế xuất khẩu* : là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa giữa các quốc gia.

- *Thuế Giá Trị Gia Tăng* của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

+ **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

+ Thời điểm ghi nhận doanh thu theo phương thức ***Bán hàng qua đại lý***: Bên gửi hàng bán đại lý có thể ghi nhận doanh thu vào một trong các thời điểm sau: ngày bên đại lý bán được hàng; hoặc ngày nhận được hồ sơ thanh toán từ bên đại lý; hoặc ngày nhận được tiền bán hàng từ bên đại lý.

+ Thời điểm ghi nhận doanh thu theo phương thức ***Bán hàng trả góp***: Theo nguyên tắc thực hiện để ghi nhận doanh thu trong trường hợp bán hàng trả góp, doanh thu sẽ được ghi nhận vào ngày hàng hóa được giao cho bên mua.

+ ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ***: Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

+ ***Doanh thu hoạt động tài chính*** là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Bao gồm :

- Tiền lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia

- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; Thu nhập về đầu tư mua bán, thu hồi

hoặc thanh lý tài sản

- Các khoản thu hoạt động tài chính khác

+ **Thu nhập khác** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Gồm các khoản như thu nhập thanh lý, nhượng bán TSCĐ....

❖ **Chi phí**

+ **Chi phí** là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... nhằm mua được các hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Chi phí trong doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán**: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- **Chi phí tài chính** là các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp

- **Chi phí khác** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp** là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

❖ **Xác định kết quả kinh doanh:**

+ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh** là kết quả doanh nghiệp đạt được sau một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó, doanh nghiệp có thể xác định được lợi nhuận đạt được là bao nhiêu, từ đó có những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- **Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh** : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động tài chính** : là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác** : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

- **Tổng lợi nhuận trước thuế**: là tổng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- **Tổng lợi nhuận sau thuế**: là số chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

1.1.3, Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để làm tốt công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần nắm vững các nhiệm vụ sau đây:

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, bán hàng theo từng nguồn hàng, từng hợp đồng, từng đơn đặt hàng, từng khách hàng, từng loại hàng và tình hình thanh toán tiền hàng.

- Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, tính toán chính xác tổng trị giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng mặt hàng, nhóm hàng, hóa đơn, khách hàng và từng đơn vị trực thuộc, xác định cụ thể giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ (giá vốn của hàng bán ra) và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.

- Quản lý thu hồi tiền hàng, khách nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, lô hàng, số tiền, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán.

- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.

1.2, Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a, Chứng từ sử dụng:

Tùy theo phương thức, hình thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ kế toán sau:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

b, Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 512: Doanh thu bán hàng nội địa
- TK liên quan: 111, 112, 131, ...

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: TK này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu tài khoản :

- Bên Nợ: + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực

tế của doanh nghiệp trong kỳ.

+ Khoản giảm giá hàng bán

+ Trị giá hàng bị trả lại

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng và kinh doanh bất động sản đầu tư sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Bên Có: + Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ và kinh doanh bất động sản đầu tư của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK 5118: Doanh thu khác

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa xuất biểu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Kết cấu và nội dung phản ánh tương tự như TK 511.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

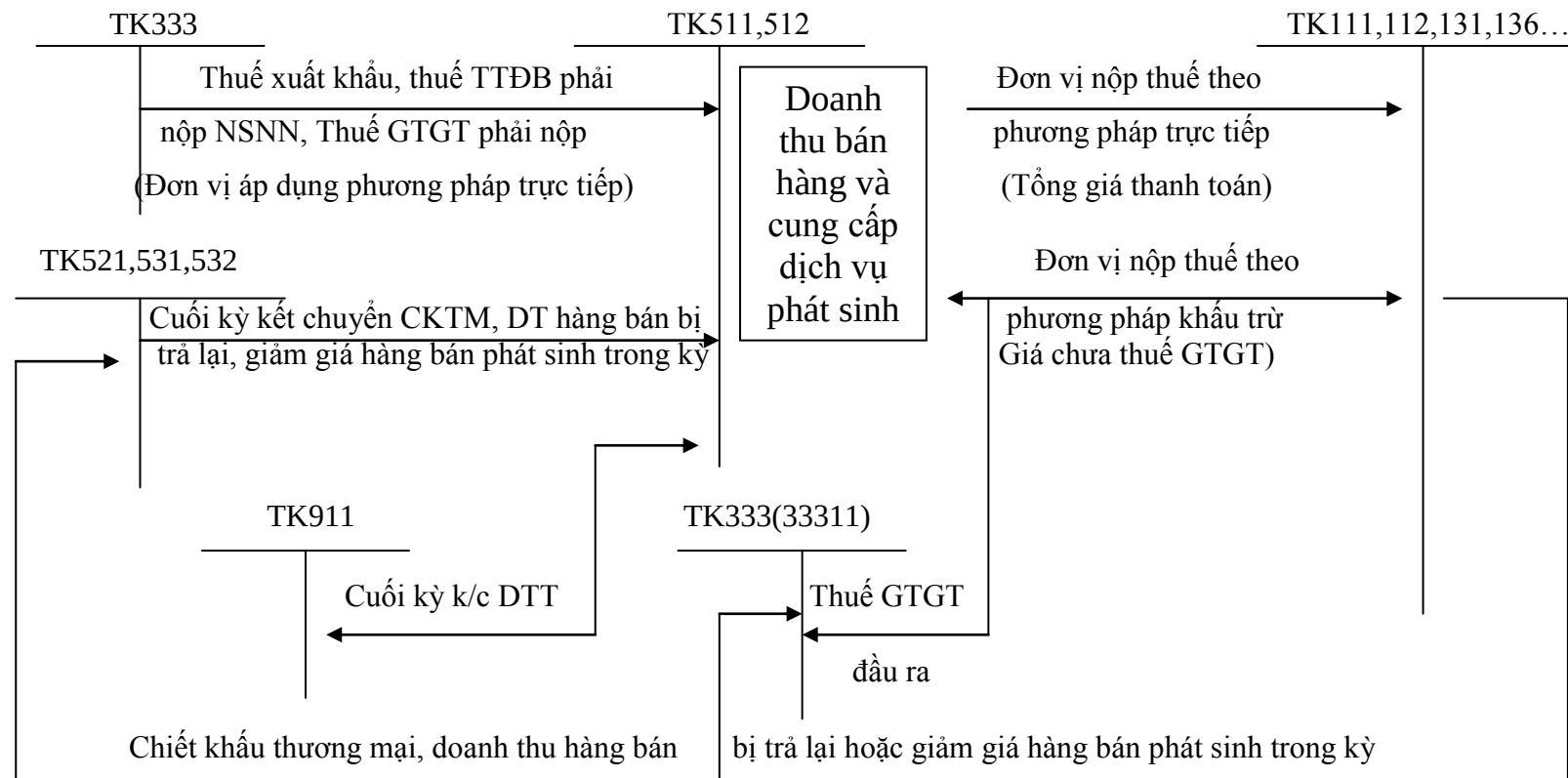
TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

c, Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ



1.2.2, Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

a, Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu, giấy báo có

b, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản CKTM mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 911 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

TK 521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531- Giá trị hàng bán bị trả lại. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo

Kết cấu tài khoản:

- + Bên Nợ: Các khoản giảm giá đã chấp nhận cho người mua hàng.
- + Bên Có: Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng hoá bán ra sang TK 511 và TK 532 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá

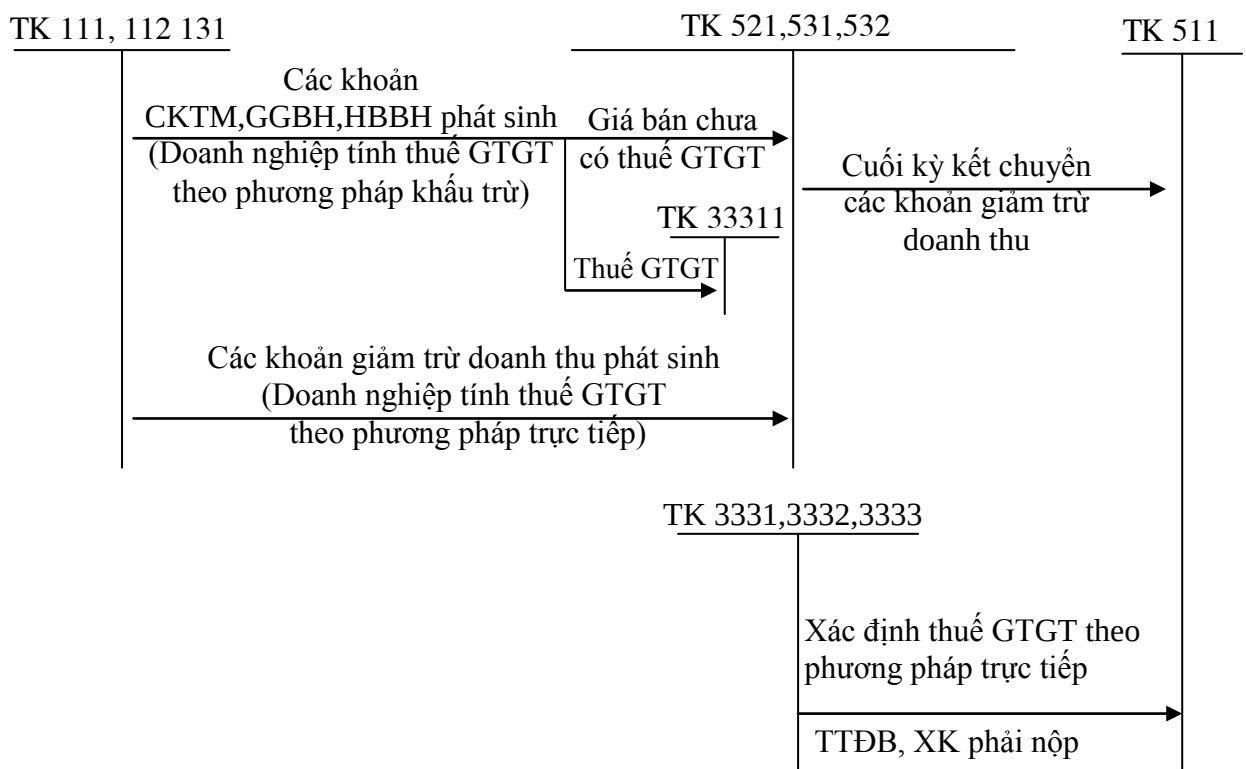
*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn).

Tài khoản 532 có kết cấu tương tự như Tài Khoản 531.

c., *Trình tự hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:*

Sơ đồ 1.2: Kế toán chiết khấu thương mại, Giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.3, Kế toán giá vốn hàng bán

a, *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02 GTTT – 3LL)

b, *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán, phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: + Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

+ Phản ánh chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

+ Phản ánh hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

+ Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình, tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

+ Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng năm trước.

- Bên Có: + Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước)

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá của dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911.

Tài Khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Theo chế độ kế toán hiện hành và tùy theo đặc điểm kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong bốn phương pháp sau để tính giá vốn cho hàng xuất bán, xuất dùng:

– **Phương pháp bình quân gia quyền:**

$$\text{Trị giá vốn hàng xuất kho} = \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền}$$

Giá vốn bình quân gia quyền lại có thể được tính theo một trong hai cách sau:

Tính theo giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ nghĩa là chỉ đến cuối kỳ kế toán tính giá đơn vị bình quân một lần theo công thức sau:

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Tổng lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Tính giá vốn đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

$$\text{Giá vốn đơn vị bình quân gia quyền sau lần xuất } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn dòng kế trên xuất}}{\text{Lượng hàng tồn dòng kế trên xuất}}$$

Theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, kế toán chỉ được tính giá đơn vị bình quân sau lần nhập kế trước ngày xuất. Giữa các lần xuất trong tháng không có lần nhập xen kẽ thì đơn giá xuất không thay đổi.

Mỗi chủng loại hàng khác nhau phải tính giá cho từng mặt hàng tương ứng. Tồn đầu kỳ coi như lần nhập đầu tiên trong tháng.

– **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):** kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau.

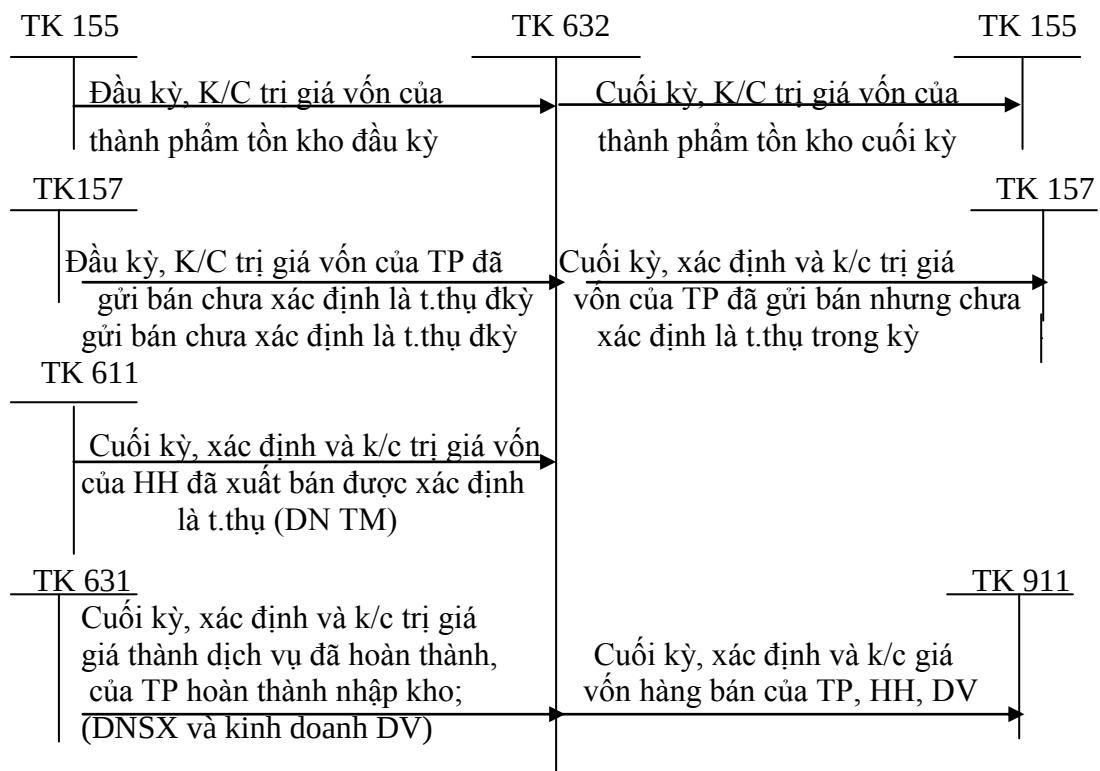
– **Phương pháp nhập sau, xuất sau (LIFO):** kế toán giả định hàng nhập sau sẽ xuất trước, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước.

– **Phương pháp giá đích danh:** giá của hàng tồn kho sẽ giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất ra. Xuất loại nào, lấy loại đó.

c, Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

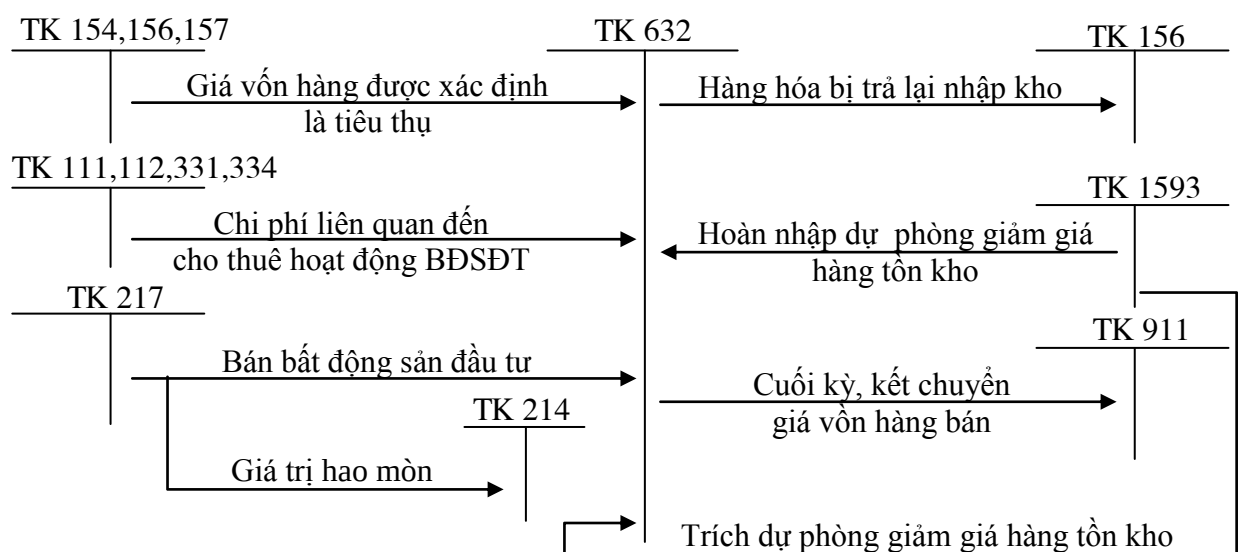
Sơ đồ số 1.3:

KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



Sơ đồ số 1.4:

KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)



1.2.4, Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

b, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng (CPBH): Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ
- Bên Có: + Phản ánh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng
+ Kết chuyển CPBH vào kết quả của sản phẩm tiêu thụ trong kỳ.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

TK 6411: Chi phí nhân viên

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6415: Chi phí bảo hành

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN): Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, phụ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài,...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Phản ánh chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Bên Có: + Phản ánh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
+ Kết chuyển CPQLDN vào tài khoản liên quan.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

TK 6426: Chi phí dự phòng

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

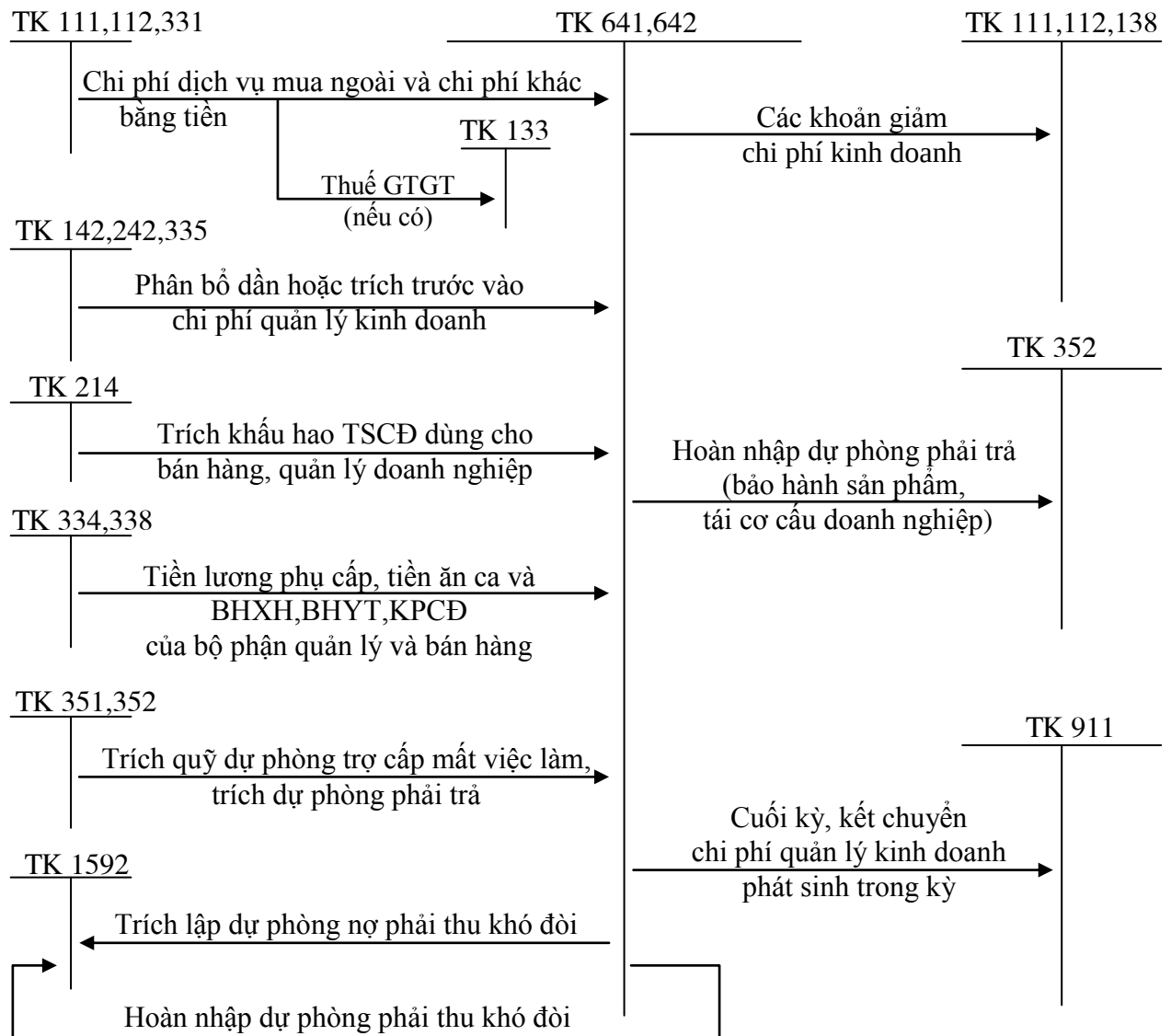
TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

c, Quy trình hạch toán kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ số 1.5:

Kế toán chi phí bán hàng, quản lý kinh doanh



1.2.5, Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

a, Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Sổ chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Giấy báo nợ
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng

-Và các chứng từ khác có liên quan

-Và các chứng từ khác có liên quan...

b, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính, dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp

+ Kết chuyển DTHĐTC thuần sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có:

+ Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.

+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào DTHĐTC.

+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Tài Khoản 635 - Chi phí tài chính (CPTC): Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- + Lỗ bán ngoại tệ
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào CPTC.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

- Bên Có:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

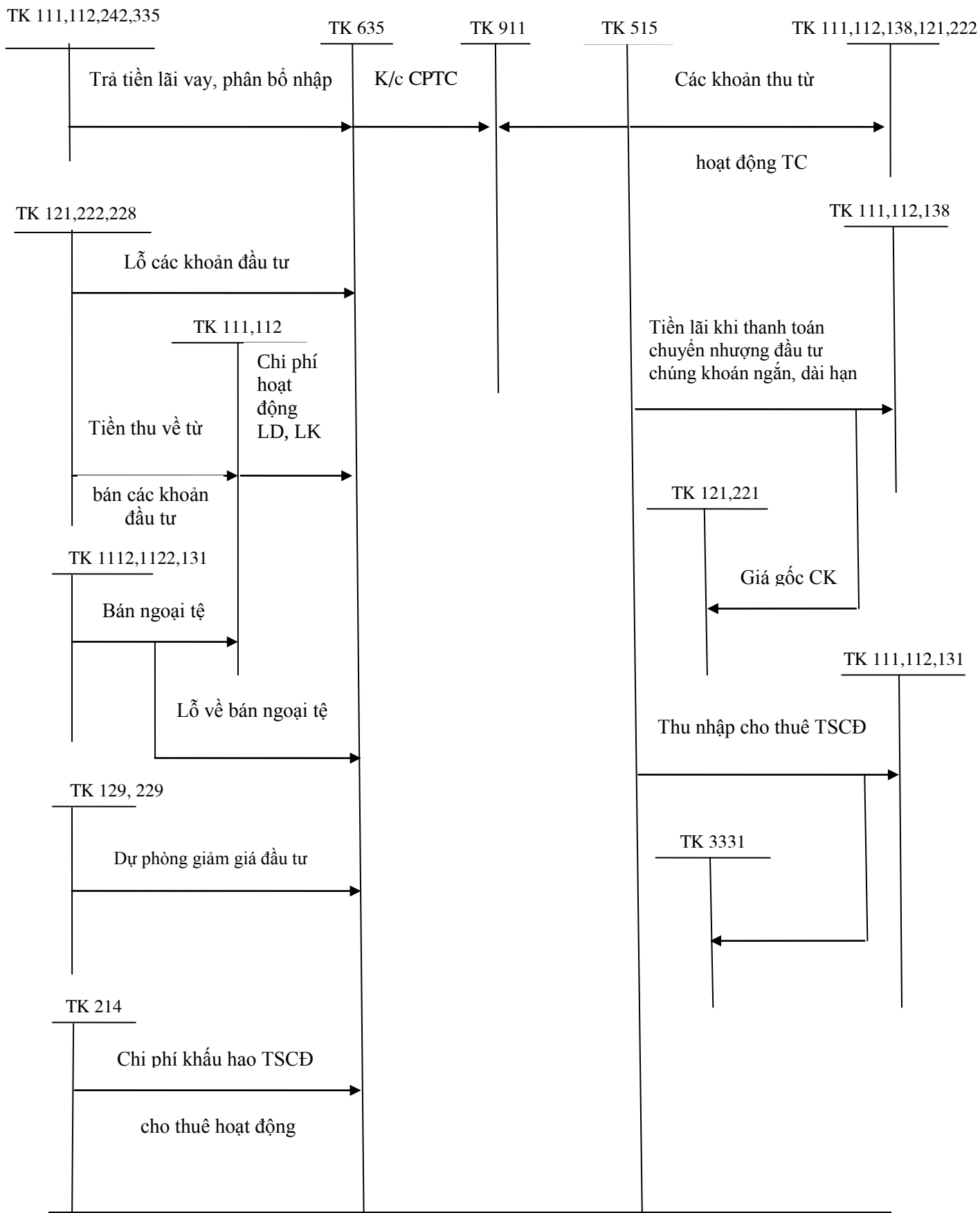
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

c, Quy trình hạch toán kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính:

Sơ đồ 1.6:

Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*



1.2.6, Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

a, Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Báo nợ, báo có.

b, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 – Thu nhập khác, dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tại ra doanh thu của doanh nghiệp. Loại tài khoản này chỉ phản ánh các khoản thu nhập khác trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:
 - + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
 - + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Bên Có: + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 – Chi phí khác, phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thương của doanh nghiệp.

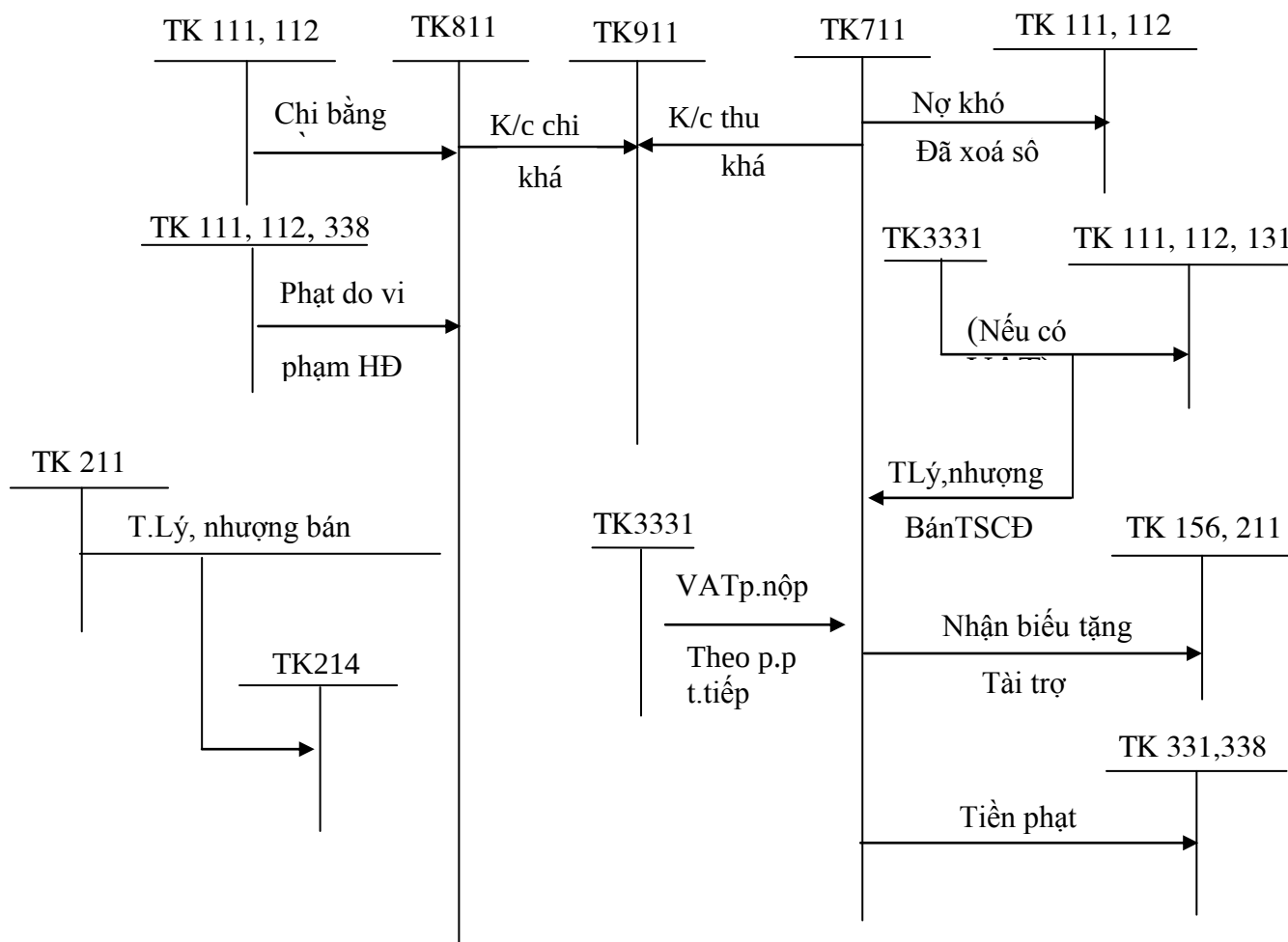
Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.
- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

c, Quy trình hạch toán kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC



1.2.7, Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh, phải phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

- + Phản ánh trị giá vốn hàng bán (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ) đã tiêu thụ xong được kết chuyển.
- + Chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác kết chuyển.
- + Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ.
- + Thực lãi về hoạt động kinh doanh trong kỳ.

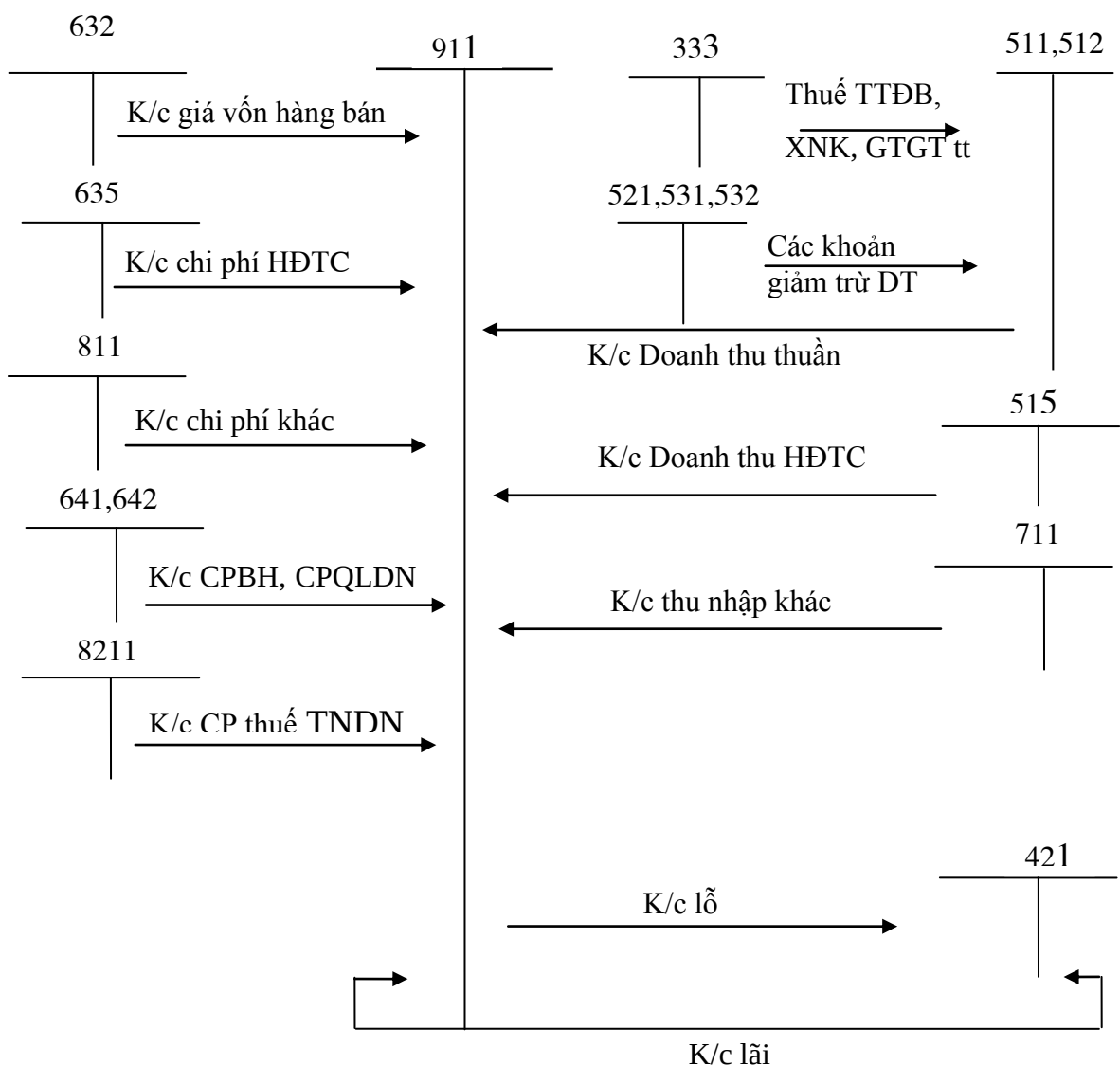
- Bên Có:

- + Phản ánh doanh thu thuần về tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.
- + Thu nhập thuần về hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- + Thực lỗ về các hoạt động kinh doanh trong kỳ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ và có thể mở chi tiết theo từng hoạt động

b, Quy trình hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Sơ đồ 1.8: KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



CHƯƠNG II:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XUÂN HÀ

2.1, Khái quát chung về Công ty TNHH Xuân Hà

2.1.1, Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Xuân Hà

- * Tồn đầy đủ của cụng ty : *Cụng ty trỏch nhiệm hữu hạn Xuôn Hà*
- * Tồn giao dị ch quốc tế : *Xuan Ha Company Limited*
- * Tồn cụng ty viết tắt : *Xuan Ha Co.,LTD*
- * Trụ sở chính : *Số 266D Đừ Nắg - Phường Cầu Tre –
Quậg Ngự Quyềg – Thành phố Hải Phũg*
- * Mố số thuế : *0200513104*

Công ty TNHH Xuân Hà được thành lập ngày 19/2/2003 theo quyết định số 4679 GP/TLĐN của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và được Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng ký giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202001124.

Công ty TNHH Xuân Hà là một pháp nhân độc lập được thành lập theo pháp luật Việt Nam , có TNHH ,có tư cách pháp nhân độc lập,và hạch toán độc lập
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty Xuân Hà là:

Kinh doanh thiết bị, vật tư kim khí, phụ tùng, ô tô

Kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu các loại

Dịch vụ xuất nhập khẩu

Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá thuỷ bộ

Ngoài ra công ty còn được cấp phép kinh doanh về sửa chữa phương tiện vận tải, vật tư thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải, sản xuất, kinh doanh và gia công hàng may mặc, kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn.

Từ một công ty nhỏ với số vốn điều lệ ít ỏi là 15 tỷ đồng. Công ty đã nhanh chóng nắm bắt được thị phần trên toàn miền Bắc, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải và

đại lý xăng dầu, góp phần nâng cao đời sống, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 100 cán bộ công nhân viên với mức lương ổn định và tương đối cao. Đồng thời công ty cũng góp phần không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng đất nước, hàng năm nộp ngân sách đầy đủ. Công ty đã và đang cố gắng để tìm cho mình một thương hiệu uy tín, chất lượng trên toàn miền Bắc. Tuy nhiên với số vốn 15 tỷ, doanh nghiệp lại hoạt động trong nhiều loại hình ngành nghề khác nhau, vốn luân chuyển chậm do đặc thù của ngành nghề kinh doanh, do vậy doanh nghiệp đã gặp khó khăn không nhỏ trong hoạt động kinh doanh.

2.1.2, Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Xuân Hà:

Công ty chuyên kinh doanh về lĩnh vực vận tải bộ các loại hàng đóng trong container, hàng rời, hàng bao được nhập, xuất qua cảng Hải phòng; mua bán sắt thép, nguyên liệu kim khí nhập từ nước ngoài và trong nước, đại lý xăng dầu cho các sản phẩm xăng dầu nổi tiếng như Shell, Petro.

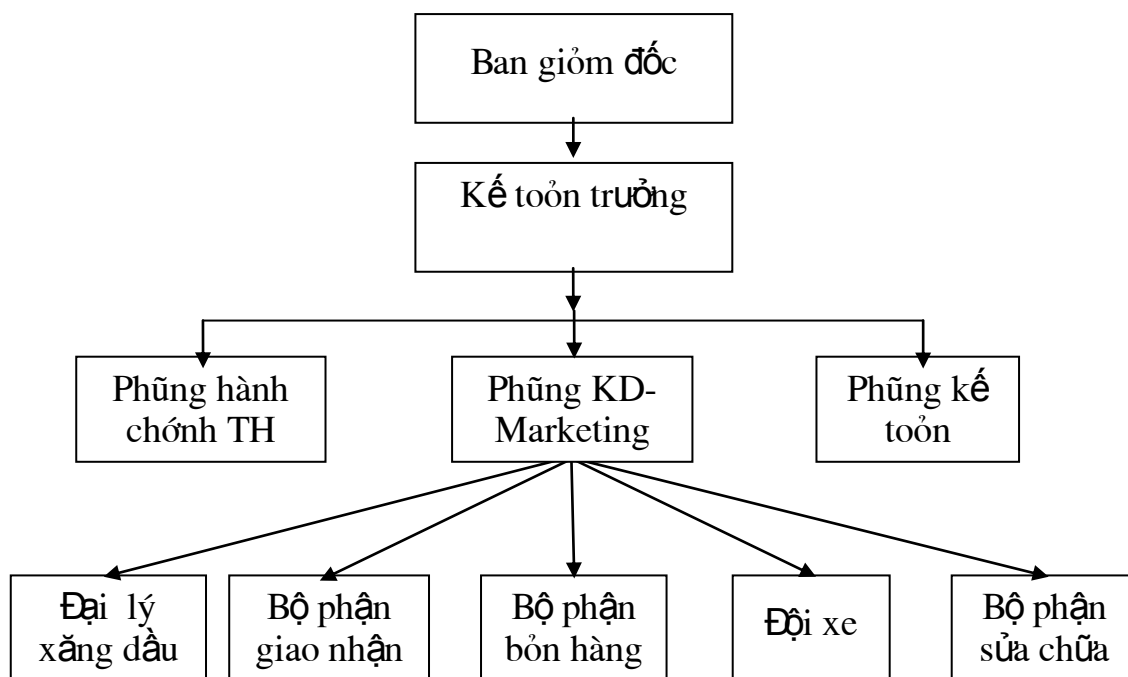
Nhằm tăng doanh thu bán hàng, công ty có:

- Phương thức bán buôn.
- Phương thức bán lẻ.

2.1.3, Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Xuân Hà

Cũng giống như mô hình của hầu hết các công ty TNHH, công ty Xuân Hà có bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình *trực tuyến chức năng*.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của công ty được thể hiện ở sơ đồ sau:



Chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý như sau:

Ban Giám đốc

Gồm Giám đốc và phó giám đốc, trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ, chi nhánh. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty. Giám đốc công ty tổ chức kiểm tra mọi hoạt động của tất cả các bộ phận trong công ty.

Phòng hành chính tổng hợp:

Tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc ở các khâu:

- Xây dựng định mức lao động, kế hoạch lao động, đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương, thưởng, xây dựng nội quy an toàn lao động, chế độ bảo hộ lao động.
- Quản lý cán bộ công nhân viên của công ty, tổ chức lao động, quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân viên
- Tổng hợp thống kê báo cáo và thực hiện các chức năng hành chính khác.

Phòng kinh doanh - marketing:

Tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc tổ chức và triển khai các công việc trong lĩnh vực đầu tư và liên doanh, liên kết trong và ngoài nước, tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động đại lý, triển khai nghiệp vụ chuyên môn.

Tìm kiếm khách hàng, thị trường, duy trì mối quan hệ với các đối tác cũ và tìm kiếm các đối tác mới.

Nghiên cứu, xây dựng các hợp đồng thuê lao động, hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hợp đồng mua bán kinh doanh trong và ngoài nước.

Phòng Tài chính kế toán:

Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng và huy động, quản lý vốn một cách có hiệu quả, đúng mục đích, vòng quay của vốn ngắn ngày.

Tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán trong công ty, thực hiện nhiệm vụ thanh toán, quyết toán, trả lương cho CBCNV kịp thời

Phản ánh kịp thời tình hình sử dụng và biến động của tài sản, vốn, thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lý thích hợp.

Đại lý xăng dầu:

Theo dõi lượng hàng nhiên liệu nhập - xuất - tồn báo cáo hàng ngày với phòng kinh doanh để có phương hướng kinh doanh cũng như đảm bảo lượng hàng luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và quản lý trực tiếp đội ngũ nhân viên bán hàng xăng dầu.

Bộ phận thợ sửa chữa:

Theo dõi kỹ thuật cho đội xe, sửa chữa kịp thời mọi hỏng hóc cho các phương tiện vận tải cũng như trang thiết bị trong công ty.

Bộ phận giao nhận:

Theo dõi giám sát, giao nhận hàng hoá tại cảng, các điểm nhận hàng khác đối với hàng mà công ty vận tải thuê và tại các điểm mà công ty bán hàng tại kho người mua.

Bộ phận bán hàng:

Phối hợp với phòng kinh doanh - marketing tiếp cận khách hàng mới, chăm sóc

khách hàng cũ tiềm năng và phối hợp với bộ phận giao nhận giao hàng đến tận kho khách hàng.

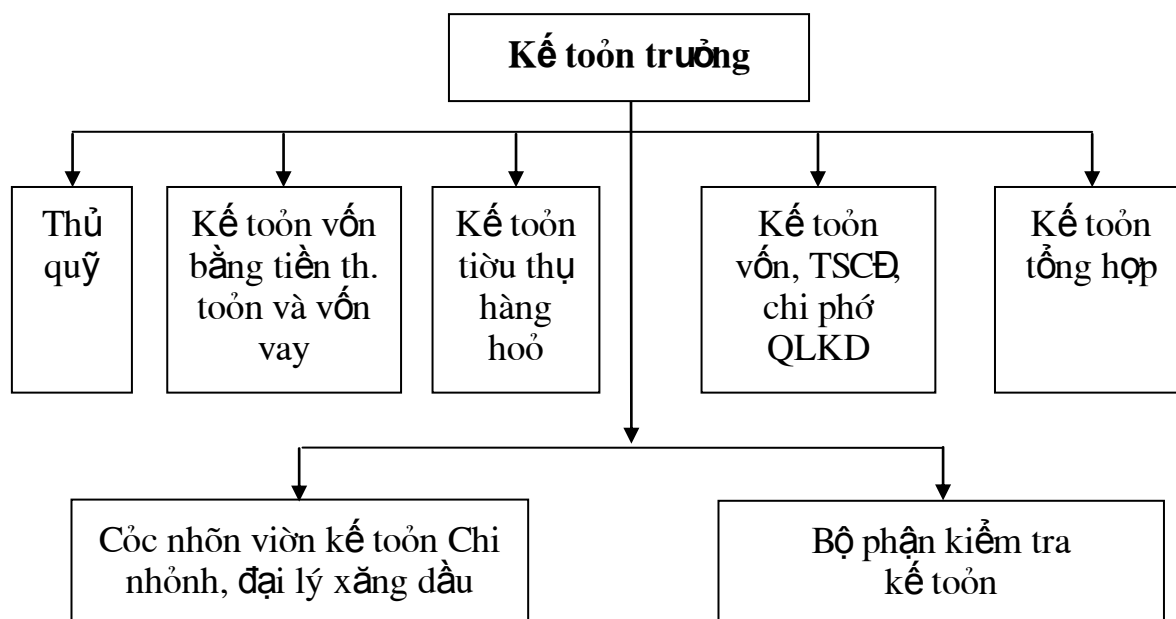
2.1.4, Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Xuân Hà

2.1.4.1, Tổ chức bộ máy kế toán:

Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác, bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công việc hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của các nhà quản lý.

Công ty TNHH Xuân Hà là một doanh nghiệp với quy mô vừa, tập trung chủ yếu tại Hải Phòng, vì vậy giám đốc đã chọn tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Theo mô hình này toàn doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây. Các bộ phận trực thuộc không có bộ phận kế toán riêng mà chỉ được hướng dẫn lập hoặc thu thập và kiểm tra chứng từ rồi định kỳ chuyển về phòng Kế toán công ty. Phòng kế toán sẽ có nhiệm vụ lưu trữ và ghi chép vào nhật ký chứng từ.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



- **Kế toán trưởng:**

Là người giúp giám đốc quản lý hoạt động tài chính, cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lựa chọn các hình thức sổ sách phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về công tác tài chính kế toán của công ty. Đồng thời kế toán trưởng có quyền chỉ định, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong phòng kế toán.

- **Cốc kế toán viên:**

Thực hiện mọi công tác kế toán từ việc thu nhận, xử lý chứng từ luân chuyển ghi sổ, tổng hợp, thông báo số liệu kế toán thống kê cho các phòng ban phụ thuộc khác. Mỗi kế toán viên phụ trách một phần hành kế toán riêng, bao gồm kế toán tiền lương và tiền quỹ; Kế toán vốn bằng tiền thanh toán và tiền vay; Kế toán hàng hoá và tiêu thụ; Kế toán TSCĐ, CCDC, chi phí QLDN và chi phí bán hàng.

+ Chính sách, hình thức kế toán áp dụng:

Chế độ kế toán: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Kỳ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán **Nhật ký chung**.

Phương pháp kê khai và nộp thuế GTGT: Công ty kê khai và nộp thuế GTGT theo **phương pháp khấu trừ**.

Phương pháp tính giá xuất kho: Công ty tính giá xuất kho phương pháp **nhập trước – xuất trước**.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Công ty sử dụng phương pháp **khấu hao đường thẳng**.

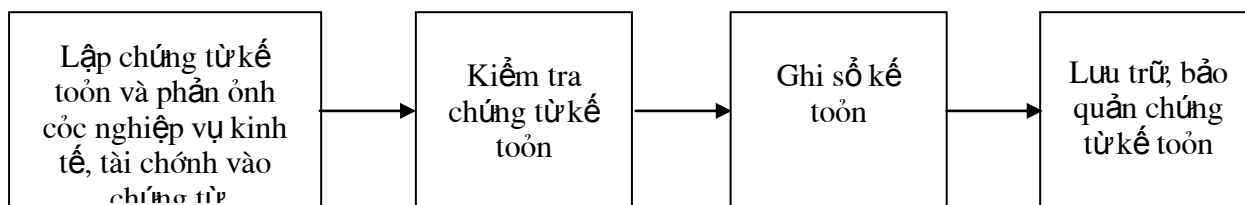
2.1.4.2, Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:

Trình tự và thời gian luân chuyển chứng từ kế toán do kế toán trưởng đơn vị quy định. Chứng từ gốc do đơn vị lập ra hoặc từ bên ngoài vào đều phải tập trung vào bộ

phận kế toán của công ty. Bộ phận kế toán kiểm tra kỹ những chứng từ đó, xác minh là đúng thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

Sơ đồ 2.3

Trình tự luân chuyển chứng từ



Hệ thống chứng từ doanh nghiệp sử dụng theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

2.1.4.3, Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán:

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định trong Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Để phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, công ty đã tiến hành nghiên cứu, vận dụng và chi tiết hóa hệ thống tài khoản kế toán, nhưng vẫn phù hợp với nội dung, kết cấu và phương pháp hạch toán của các tài khoản tổng hợp tương ứng.

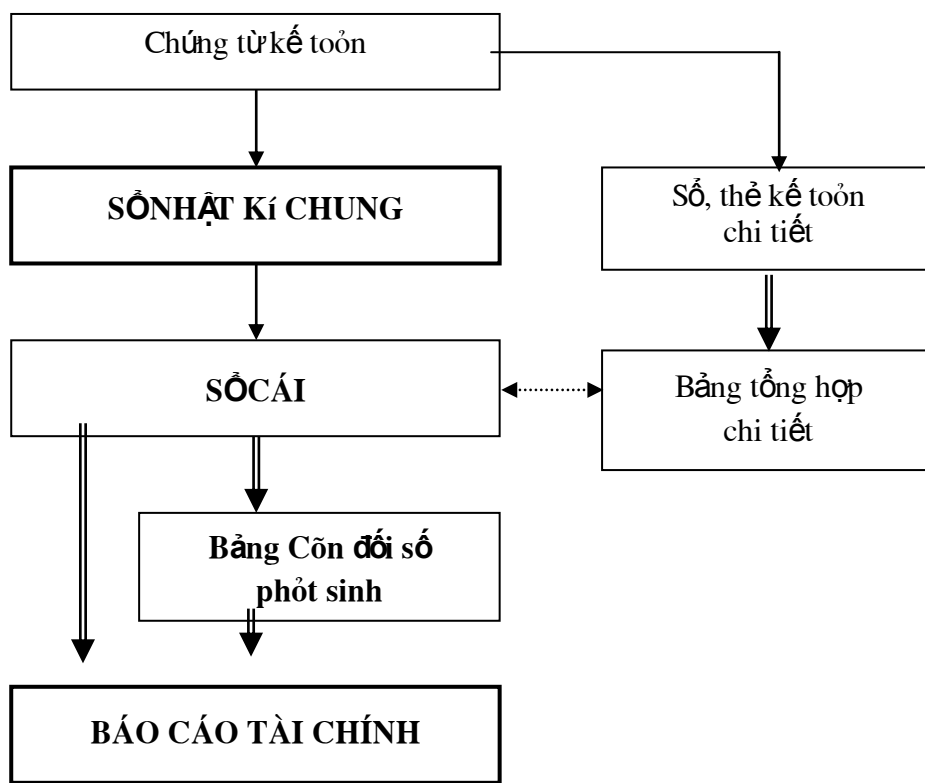
2.1.4.4, Tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp.

Doanh nghiệp sử dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức kế toán *Nhật ký chung*. Hình thức này tách rời hạch toán theo thời gian và theo hệ thống trên 2 loại sổ khác nhau, tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên 2 loại sổ khác nhau. Đối với loại hình sổ kế toán này công ty cần phải lập bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo kế toán vì sổ cái của mỗi tài khoản được phản ánh riêng trên 1 vài trang sổ.

Sơ đồ 2.4:

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi số liệu vào Sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái. Các số liệu liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng. Cuối quý, năm cộng các số liệu trên sổ cái, tính số dư để lập Bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra các Bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu sau khi kiểm tra thấy khớp và đúng sẽ được sử dụng để lập Báo cáo kế toán.

2.1.4.5, Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán :

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- | | |
|--|--------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán | : Mẫu số B01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | : Mẫu số B02 - DNN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | : Mẫu số B03 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính | : Mẫu số B09 - DNN |

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.2, Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xuân Hà

+ Đặc điểm tiêu thụ hàng hóa.

Vì hầu hết các mặt hàng kinh doanh của Công ty đều ở dạng lỏng nên tiêu thụ xăng dầu của công ty đòi hỏi phải có hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ, kho tàng được xây dựng và trang bị phù hợp với mặt hàng kinh doanh, đáp ứng cho công tác giao nhận, bảo quản dự trữ và cấp phát loại hàng ở dạng lỏng, dễ cháy nổ.

Hệ thống công nghệ thiết bị bao gồm :

- Hệ thống bể chứa xăng dầu.
- Hệ thống kho chứa hàng.
- Hệ thống đường ống công nghệ.
- Cột bơm nhiên liệu.
- Máy bơm các loại.

Quy trình công nghệ cấp nhận và cấp phát xăng dầu như sau :

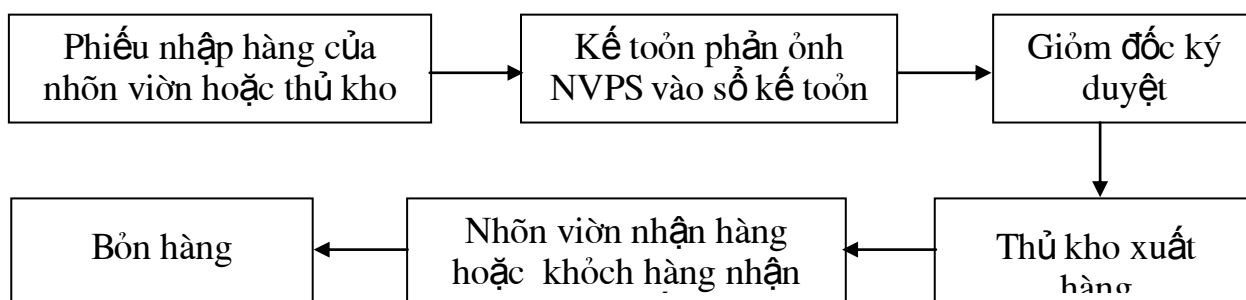
Các loại xăng dầu nhập về sau khi làm thủ tục kiểm tra giám định để xác định số lượng và chất lượng, sẽ được bơm lên các bể chứa của kho để xác định số lượng tồn chứa, dự trữ và cấp phát hàng ngày. Mỗi loại xăng dầu được đựng vào 1 bể riêng biệt (téc) theo hệ thống đường ống riêng biệt để đảm bảo đúng phẩm chất và tránh nhầm lẫn khi giao nhận.

Khách hàng có thể nhận xăng dầu tại kho của công ty bằng phương tiện vận tải của khách hàng hoặc thuê phương tiện vận tải của công ty tùy theo hợp đồng mua bán giữa 2 bên.

Đối với mặt hàng xăng dầu, sắt thép đều phải tuân thủ trình tự bán hàng:

Sơ đồ 2.5:

Trình tự hạch toán bán hàng



Đối với hoạt động cho thuê kho bãi, căn cứ vào nghiệp vụ thực tế phát sinh để xác định tiêu thụ.

Kế toán tiêu thụ hàng hóa tại công ty.

+ Các phương thức tiêu thụ hàng hóa và thủ tục chứng từ.

Đối với sản phẩm dịch vụ vận tải, công ty áp dụng phương thức bán buôn, giá cả ưu đãi đối với các khách hàng, đối tác lâu năm.

Đối với sản phẩm sắt thép, công ty nhập khẩu từ nước ngoài là chủ yếu, khối lượng nhập về lớn, do đó công ty áp dụng phương thức bán buôn, tiêu thụ được nhiều, nhanh, thu hồi vốn nhanh, chấp nhận lãi thấp hơn 1 chút nhưng thu hồi vốn nhanh hơn so với việc áp dụng phương thức bán lẻ, vốn thu chậm.

Đối với sản phẩm xăng dầu, công ty làm đại lý tiêu thụ cho các công ty xăng dầu, do vậy công ty áp dụng phương thức bán lẻ.

Phương thức bán buôn áp dụng đối với tất cả các khách hàng mua với số lượng lớn, đây là phương thức bán hàng mang lại doanh thu chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động tiêu thụ của doanh nghiệp. Theo phương thức này, sau khi công ty làm xong các thủ tục pháp lý như ký hợp đồng mua bán, viết hoá đơn giá trị gia tăng, hàng hoá được giao trực tiếp cho khách hàng hoặc công ty vận chuyển đến tận nơi và đã được ghi nhận là tiêu thụ.

Phương thức bán lẻ: áp dụng đối với các khách hàng mua với số lượng nhỏ và tỷ trọng doanh thu nhỏ hơn so với phương thức bán buôn.

Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế thực tế phát sinh, kế toán lập các chứng từ có liên quan theo đúng quy định, chuẩn mực. Khi có đủ chứng từ, kế toán mới tiến hành ghi sổ kế toán.

+ Tính giá mua của hàng hóa xuất bán.

Kế toán tổng hợp chi phí, tính giá thực tế tài sản mua vào:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế} \\ \text{tài sản} \\ \text{mua vào} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{ghi trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{khung} \\ \text{được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chiết khấu} \\ \text{thương mại,} \\ \text{giảm giá hàng} \\ \text{mua được} \\ \text{hưởng} \end{array}$$

Kế toán tính trị giá hàng hóa đã tiêu thụ:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa xuất} \\ \text{bỏ tiền thu} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{vốn thực} \\ \text{tế của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{cũn lại} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{vốn thực} \\ \text{tế của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{mua vào} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{vốn thực} \\ \text{tế của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{gửi bỏn} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn} \\ \text{thực tế của} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{tồn kho cũn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array}$$

+ Kế toán doanh thu tại công ty.

Trong năm 2009, kế toán doanh thu của công ty chỉ phát sinh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu và Thu nhập khác.

+ Kế toán chi phí tại công ty

Trong năm 2009, công ty chỉ phát sinh Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, không phát sinh Chi phí khác.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Xuân Hà

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm:

Kế toán doanh thu xăng dầu.

Xăng dầu là mặt hàng vật tư thiết yếu và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của đất nước, độc quyền Nhà nước.

Xăng dầu là tên chung để chỉ các sản phẩm của quá trình lọc dầu mỏ, dùng làm nhiên liệu, bao gồm: xăng động cơ, dầu diesel, dầu hoả, dầu mazut, nhiên liệu máy bay; các sản phẩm khác dùng làm nhiên liệu động cơ, không bao gồm các loại khí hoá lỏng.

Xăng dầu dễ cháy nổ nên công ty thường xuyên bảo đảm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Theo Nghị định 78/2000/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 về Phí xăng dầu, mặt hàng xăng dầu của công ty bán tại Việt Nam nên chịu phí xăng dầu. Phí xăng dầu là khoản phụ phí của Nhà nước nhằm bảo vệ môi trường. Phí xăng dầu chỉ thu một lần khi xuất, bán số lượng xăng dầu nhập khẩu, sản xuất, chế biến theo mức thu quy định sau đây:

Xăng các loại: 500 đồng/lit (năm trăm đồng/lit).

Diezel: 300 đồng/lit (ba trăm đồng/lit).

Khi bán xăng dầu, doanh nghiệp phải ghi số tiền phí xăng dầu thành 1 dòng riêng trên hóa đơn GTGT: Giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT, phí xăng dầu, và tổng giá thanh toán.

Đối với xăng dầu thuộc diện chịu phí xăng dầu và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, doanh thu bán xăng dầu được phản ánh theo giá bán chưa có phí xăng dầu.

Đối với xăng dầu thuộc diện chịu phí xăng dầu và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh xăng dầu không thuộc đối tượng nộp phí xăng dầu, doanh thu bán xăng dầu được phản ánh theo giá bán đã có phí xăng dầu.

Giá vốn xăng dầu mua vào được phản ánh theo giá mua đã có phí xăng dầu. Công ty kinh doanh xăng dầu nên không được ủy quyền thu hộ lệ phí xăng dầu nên lệ phí xăng dầu được hạch toán vào *Tài khoản 1388 – Phải thu khác* mà không hạch toán vào *Tài khoản 3339 – Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác*.

Kế toán doanh thu vận chuyển.

Công ty chuyên kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa. Tức là công ty chuyên nhận chuyên chở nội địa hàng hóa với số lượng lớn. Đây cũng là lĩnh vực đem lại doanh thu lớn cho công ty cũng là dịch vụ chủ lực và thế mạnh của công ty.

Kinh doanh vận chuyển phụ thuộc lớn vào chất lượng xe và tay nghề lái xe. Hiện nay, công ty có hơn 50 đầu kéo với trọng tải lớn, luôn sẵn sàng chờ hàng khi có yêu cầu, có đội ngũ lái xe, phụ xe có kinh nghiệm.

Tuy nhiên, kinh doanh vận chuyển cũng gặp nhiều rủi ro như bị chậm hàng, xe hỏng dọc đường, tai nạn giao thông... Vì thế, công ty thường xuyên mua mới, sửa chữa, nâng cấp đầu kéo, cầu cũng như thương xuyên tuyển mới, đào tạo đội ngũ lái xe lành nghề, mua bảo hiểm đầy đủ cho xe, hàng hóa, đội ngũ lái xe,...

Khi hạch toán về vận tải hàng hóa nội địa bao gồm: Hạch toán về lương đội ngũ lái xe, phụ xe; Khấu hao xe; Chi phí xăng dầu; lệ phí cầu đường,...

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến kinh doanh vận chuyển được hạch toán vào tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

Kế toán doanh thu thương mại

Hoạt động chính của công ty bao gồm: Cho thuê kho, bãi; Mua bán sắt thép. Công ty có hệ thống kho bãi hiện đại, thoáng mát, vị trí địa lý thuận lợi gần cảng, hai làn đường rộng, thuận tiện cho xe ra vào chuyên chở hàng hóa.

Cũng giống như xăng dầu, giá cả sắt thép luôn không ngừng biến động, cùng với khủng hoảng kinh tế kéo theo Trung Quốc phá giá mặt hàng sắt thép khiến giá sắt thép trong nước giảm mạnh, công ty gặp không ít khó khăn.

2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Và các chứng từ khác có liên quan...

2.2.1.2, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ” chi tiết :

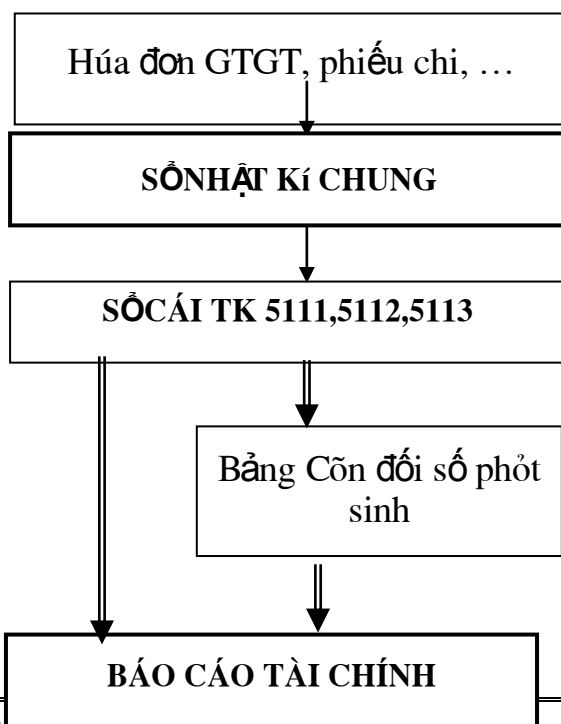
- Tài khoản 5111 – Doanh thu xăng dầu
- Tài khoản 5112 – Doanh thu vận tải
- Tài khoản 5113 – Doanh thu thương mại
- Tài khoản 3331
- Tài khoản 111, 112

Và các tài khoản khác có liên quan...

2.2.1.3, Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.6:

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

⇒ Ghi hàng ngày
⇒ Ghi cuối kỳ

a, VD minh họa thực tế doanh thu xăng dầu tại công ty:

Ngày 30/12/2009, xuất kho 2510 lít dầu DO bán cho công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền

Công ty áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước, kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Cụ thể :

+1,675 lít Dầu DO (từ 15/12 - 24/12)

° Giá vốn : 15,335,620 đồng

° Thành tiền : 17,815,920 đồng

835 lít Dầu DO từ 24/12 - 30/12

° Giá vốn : 6,935,400 đồng

° Thành tiền : 8,122,279 đồng

Bán cho Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền.

Lệ phí xăng dầu : 300 đ/lít

Thuế GTGT 10%

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán viết Hóa đơn Giá trị gia tăng, lập Phiếu xuất kho

Kế toán định khoản:

° Giá vốn:

Nợ TK 6321 : 22,271,020

Có TK 156 : 22,271,020

° Giá bán:

Nợ TK 131 : 29,285,019

Có TK 5111 : 25,938,199

Có TK 3331 : 2,593,820

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Có TK 138 : 753,000

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung.

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 5111, 3331, 138, 131, Sổ chi tiết tài khoản 131, và các sổ kế toán

Hoá đơn

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

Giá trị gia tăng

NV/2009B

Liên 3: Nội bộ

0033515

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xuân Hà

Địa chỉ: 266D - Đà Nẵng –Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại: 031.3826731

Mã số thuế: 0200513104

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền

Địa chỉ: Số 585 Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng

Hình thức thanh toán:

Mã số thuế: 0200158403

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số l- ượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
	Dầu Diezel từ 15/12 – 29/12	lít	1675	10636,37	17,815,920
	Dầu Diezel từ 29/12 – 30/12	lít	835	9727.18	8,122,279
	LFXD	lít	2510	300	753,000

Cộng tiền hàng: 25,938,199

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

2,593,820

Tổng cộng tiền thanh toán :

29,285,019

Số tiền viết bằng chữ:

Hai m- ới chín triệu hai trăm tám lăm ngàn không trăm m- ươi chín đồng

Ng- ười mua hàng

Ng- ười bán hàng

Thủ tr- ởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.1: Trích Hóa đơn GTGT 33515

b, VD minh họa thực tế kế toán doanh thu vận chuyển tại công ty:

Ngày 30/12/2009, Công ty cổ phần đầu tư TM và giao nhận vận tải Ánh Dương thuê vận chuyển hàng từ Hải Phòng đến Thanh Trì - Hà Nội.

Cộng tiền hàng : 47,600,000 đồng.

Đơn giá trên bao gồm các chi phí : phí vận chuyển, vé cầu đường , không bao gồm phí nâng hạ ,phí kiểm hóa, phí vệ sinh containel.....

Cước nâng hạ, Dầu DO, vệ sinh nộp hộ: 10,916,190 đồng. Công ty ghi nhận trực tiếp vào doanh thu

Thuế GTGT 5%.

Giá vốn vận chuyển : 32,700,000 đồng

Công ty chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán viết Hóa đơn Giá trị gia tăng

Kế toán định khoản:

Giá bán:

Nợ TK 131 : 61,442,000

Có TK 5112 : 58,516,190

Có TK 3331 : 2,925,810

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 5112, 3331, 131

Kế toán ghi Sổ chi tiết tài khoản 131 và các sổ kế toán khác có liên quan

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH Xuân Hà*

Hoá đơn
Giá trị gia tăng
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL
NV/2009B
0044186

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xuân Hà

Địa chỉ: 266D - Đà Nẵng –Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại:031.3826731

Mã số thuế: 0200513104

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần đầu tư TM và giao nhận vận tải Anh Dũng

Địa chỉ: Số 1c Tầng Bạt Hổ - Hà Nội

Hình thức thanh toán:TM/CK

Mã số thuế: 0102526634

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
	C- ớc vận chuyển hàng HP – Thanh trì Hà Nội	cont	24x20' 01x20'	1,750,000 2,000,000	42,000,000 2,000,000
	C- ớc nâng hạ,DO , vệ sinh nộ hộ		01x40'	3,000,000	3,000,000 10,916,190

Cộng tiền hàng: 58,516,190

Thuế suất GTGT: 5%

Tiền thuế GTGT:

2,925,810

Tổng cộng tiền thanh toán :

61,442,000

Số tiền viết bằng chữ:

Sáu mươi một triệu bốn trăm bốn hai nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.2: Trích Hóa đơn GTGT 44186

c, VD minh họa thực tế kế toán doanh thu thương mại tại công ty:

Ngày 30/12/09, phát sinh phí lưu ca xe của Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư thương mại Thành Long.

Phí lưu ca xe : 2,909,000 đồng

Thuế GTGT : 10%

Công ty chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán viết Hóa đơn Giá trị gia tăng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131	: 3,200,000
Có TK 5113	: 2,909,090
Có TK 3331	: 290,910

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 5113, 3331, 131.

Kế toán ghi Sổ chi tiết tài khoản 131 và các sổ kế toán khác có liên quan...

Hoá đơn

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

Giá trị gia tăng

MV/2009B

Liên 3: Nội bộ

0010578

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xuân Hà

Địa chỉ: 266D - Đà Nẵng –Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại: 031.3826731

Mã số thuế: 0200513104

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty cổ phần t- vấn và đầu t- th- ơng mại Thành long

Địa chỉ: Số 37 ngõ 67 Đức Giang - Long Biên - Hà Nội

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã số thuế: 0102081819

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
	Phí l- u ca xe + phát sinh bốc 2 đêm				2,909,090

Cộng tiền hàng: 2,909,090

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT:

290,910

Tổng cộng tiền thanh toán :

3,200,000

Số tiền viết bằng chữ:

Ba triệu hai trăm nghìn đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ tr- ởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.3: Trích Hóa đơn GTGT 10578

Biểu số 2.4:

Cung ty TNHH Xuân Hà
266Đ - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SONHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Ngày, thông ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày thông			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
30/12/09	PX 27	30/12/09	Xuất giỏ vốn Dầu DO- Cty CNTT Ngũ Quyền	6321	22,271,020	
				156		22,271,020
30/12/09	HĐ 33515	30/12/09	Doanh thu bản Dầu DO- Cty CNTT Ngũ Quyền	131	29,285,019	
				5111		25,938,199
				3331		2,593,820
				138		753,000
.....						
31/12/09			Giỏ vốn vận chuyển- Cty CPĐTM & GN Ánh Dương	6322	32,700,000	
				154		32,700,000
31/12/09	HĐ 44186	31/12/09	Doanh thu vận chuyển- Cty CPĐTM & GN Ánh Dương	131	61,442,000	
				5112		58,516,190
				3331		2,925,810
31/12/09	HĐ 10578	31/12/09	Doanh thu thương mại- Cty CPTV&ĐTM Thành Long	131	3,200,000	
				5113		2,909,090
				3331		290,910
.....						
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

Người ghi số

Kê toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.5:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Doanh thu xăng dầu

Số hiệu: **5111**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....						
30/12/09	HĐ3578	30/12/09	Dầu DO- Cảng HP	131		29,345,250
30/12/09	HĐ3515	30/12/09	Dầu DO- Cty CP CN tàu thủy NQ	131		25,938,199
31/12/09	HĐ20862	31/12/09	Dầu DO- Cty TNHH logistics	131		122,022,000
.....						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	Kết chuyển DTXD để XKQKD	911	16,057,070,365	
			Cộng số phát sinh		16,057,070,365	16,057,070,365
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích Sổ Cởi TK 5111 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.6:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Doanh thu vận chuyển

Số hiệu: **5112**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
31/12/09	HĐ44256	31/12/09	Cước vc-Cty TNHH Đại Xanh	131		42,744,300
31/12/09	HĐ44186	31/12/09	Cước vận chuyển- Cty CP TMGNVT Ánh Dương	131		58,516,190
31/12/09	HĐ25340	31/12/09	Cước vc- Cty VP Vinafco	131		92,157,714
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	Kết chuyển DTXD để XĐKQKD	911	8,817,140,337	
			Cộng số phát sinh		8,817,140,337	8,817,140,337
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích Sổ Cởi TK 5112 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.7:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI
Năm 2009
Tồn tài khoản: Doanh thu thương mại
Số hiệu: **5113**

Ngày, thống ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, thống			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
31/12/09	HĐ10253	31/12/09	Phó giao nhận-Cty TNHH Charoen	131		4,761,905
31/12/09	HĐ10578	31/12/09	Phó lưu ca xe- Cty CP TV & ĐTM Thành Long	131		2,909,090
31/12/09	HĐ20547	31/12/09	Phó giao nhận- Cty CP thộp và vật tư	131		21,735,000
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	Kết chuyển DTXD để XĐKQKD	911	2,765,165,721	
			Cộng số phát sinh		2,765,165,721	2,765,165,721
			Số dư cuối quý			

Người ghi số

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Trích Sổ Cái TK 5113 Quý 4 năm 200

Biểu số 2.8:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Phải thu khác

Số hiệu: **138**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ		251,965,733	
			Số phát sinh			
.....						
30/12/09	HE52803	30/12/09	Lệ phí XD-Cty CPTM Gia Trang	131		856,500
30/12/09	HE33515	30/12/09	Lệ phí xăng dầu- Cty CPCNTT Ngũ Quyền	131		753,000
31/12/09	HE01916	31/12/09	Lệ phí XD- Cảng HP	131		259,360
.....						
			Cộng số phát sinh		585,870,200	662,274,533
			Số dư cuối quý		175,561,400	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích Sổ Cởi TK 138 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.9:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số hiệu: 333

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phở sinh			
.....						
30/12/09	HĐ01048	30/12/09	Thuế GTGT-Cty TNHH Lũ Chũ	131		2.272,782
30/12/09	HĐ3515	30/12/09	Thuế GTGT- Cty CPCNTT Ngũ Quyền	131		2,593,820
.....						
31/12/09	HĐ4186	31/12/09	Thuế GTGT- Cty CPĐTM&GNVT Ánh Dương	131		2,925,810
31/12/09	HĐ10578	31/12/09	Thuế GTGT- Cty CPTV&ĐTM Thành Long	131		290,910
31/12/09	HĐ75860	31/12/09	Thuế GTGT- Cty Gia Trang	131		11,877,100
.....						
31/12/09			Kết chuyển thuế GTGT	133	1,982,959,249	
			Cộng số phở sinh		2,215,560,111	2,215,560,111
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giỏm đốc
(Trỏch Sổ Cỏi TK 333 Quý 4 năm 2009)

2.2.2, Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Xuân Hà

Kế toán giá vốn hàng bán của công ty bao gồm:

- Giá vốn xăng dầu.
- Giá vốn vận chuyển.
- Giá vốn thương mại.

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

Phiếu nhập kho (01-VT)

Phiếu xuất kho (02-VT) : trong trường hợp hàng hóa nhập lại kho.

b, Tài khoản sử dụng:

TK 6321 : Giá vốn xăng dầu

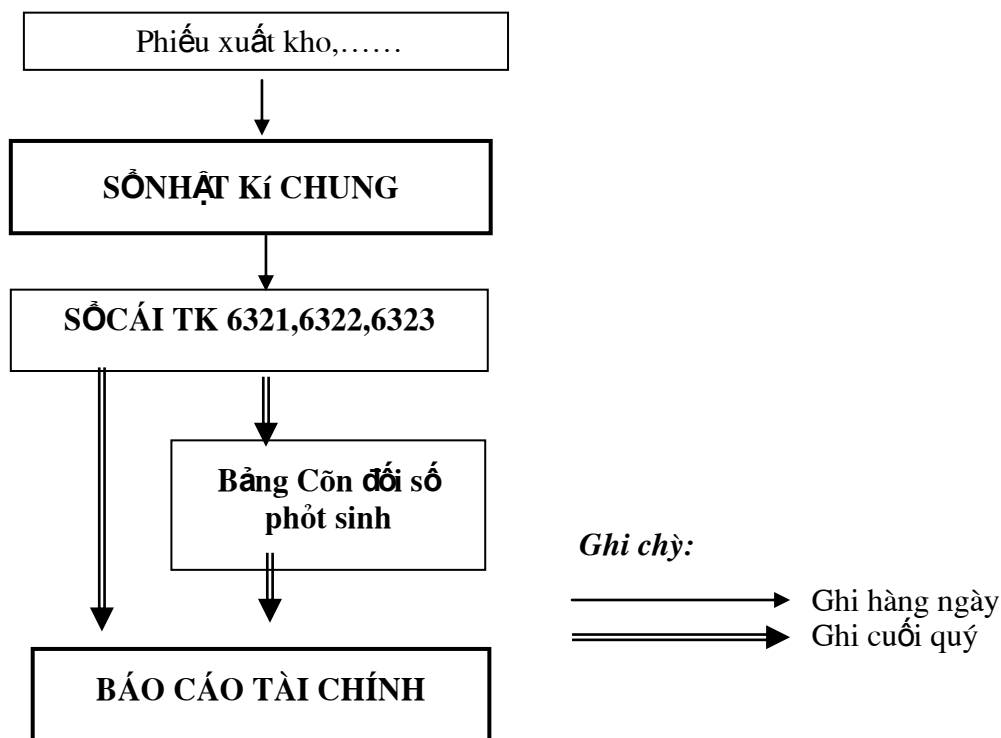
TK 6322 : Giá vốn vận chuyển

TK 6323 : Giá vốn thương mại

TK 154, 156,...

c, Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ



d, VD minh họa thực tế kế toán giá vốn xăng dầu tại công ty

Ngày 30/12/2009, xuất kho 2510 lít dầu DO bán cho công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền

Công ty áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước - Xuất trước, kế toán giả định hàng nhập trước sẽ xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Cụ thể :

1675 lít Dầu DO (từ 15/12 - 24/12):

° Giá vốn : 15,335,620 đồng

° Thành tiền : 17,815,920 đồng

835 lít Dầu DO (từ 24/12 - 30/12):

° Giá vốn : 6,935,400 đồng

° Thành tiền : 8,122,279 đồng.

Lệ phí xăng dầu : 300 đ/lít

Thuế GTGT 10%

- Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán định khoản:

° Giá vốn:

Nợ TK 6321 : 22,271,020

Có TK 156 : 22,271,020

° Giá bán:

Nợ TK 131 : 29,285,019

Có TK 5111 : 25,938,199

Có TK 3331 : 2,593,820

Có TK 138 : 753,000

Kế toán lập Phiếu xuất kho

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 6321, 156, 5111...

Kế toán ghi sổ Bảng nhập – xuất – tồn.

Và các sổ kế toán có liên quan

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu số 2.10 :

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngụ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Số : 27

-Họ và tên người nhận hàng :Cộng ty cổ phần vận chuyển hàng thủy Ngụ Quyền
-Địa chỉ :585 Lờ Thỉnh Tụng - Ngụ Quyền - Hải Phòng
-Lý do xuất kho :Xuất bán Dầu DO
-Xuất tại kho (ngăn lụ) :
-Địa điểm :Số 4 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hải Phòng

STT	Tồn, nhón hiệu, quy cỗch, phẩm chất vật tự, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mó số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu DO		Lít	1675	1675	9155.59	15,335,620
2	Dầu DO		Lít	835	835	8305.87	6,935,400
	Cộng						22,271,020

-Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Hai mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi một nghìn, không trăm hai mươi đồng ./.

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
-----------------	--------------------	---------	----------------	----------

e, VD minh họa thực tế kế toán giá vốn vận chuyển tại công ty:

Ngày 30/12/09, Công ty cổ phần đầu tư TM và giao nhận vận tải Ánh Dương thuê vận chuyển hàng từ Hải Phòng đến Thanh Trì - Hà Nội.

Cộng tiền hàng : 47,600,000 đồng. Cụ thể:

24 container 20 feet (20') : 1,750,000 đ/cont.

01 container 20 feet (20') : 2,000,000 đ/cont.

01 container 40 feet (40') : 3,000,000 đ/cont.

Đơn giá trên bao gồm các chi phí: phí vận chuyển, vé cầu đường, không bao gồm phí nâng hạ, phí kiểm hóa, phí vệ sinh container,...

Cước nâng hạ, Dầu DO, vệ sinh nộp hộ: 10,916,190 đồng, công ty ghi nhận trực tiếp vào doanh thu.

Thuế GTGT 5%.

Giá vốn vận chuyển : 32,700,000 đồng

Công ty chưa thanh toán.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán viết Hóa đơn Giá trị gia tăng

Kế toán định khoản

° Giá vốn

Nợ TK 6322 : 32,700,000

Có TK 154 : 32,700,000

° Giá bán:

Nợ TK 131 : 61,442,000

Có TK 5112 : 58,516,190

Có TK 3331 : 2,925,810

+ Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 5112, 3331, 131, Sổ chi tiết tài khoản 131 và các sổ kế toán khác có liên quan.

f, VD minh họa thực tế kế toán giá vốn thương mại tại công ty:

Ngày 31/12/2009, xuất thép 4-12 ly KMK bán cho Công ty CP TM DV Tổng
hợp cảng Sài Gòn

Số lượng: 1000 kg

Đơn giá : 15,000 đồng/kg

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán lập Phiếu xuất kho

Kế toán định khoản:

° Giá vốn:

Nợ TK 6323 : 15,000,000

Có TK 156 : 15,000,000

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 6322, 156

và các sổ kế toán khác có liên quan...

Hoá đơn

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

Giá trị gia tăng

MV/2009B

Liên 3: Nội bộ

0010580

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Xuân Hà

Địa chỉ: 266D - Đà Nẵng –Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại: 031.3826731

Mã số thuế: 0200513104

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty CP TM DV Tổng hợp Cảng Sài Gòn

Địa chỉ: số 3 Lờ Thỉnh Tụng - Ngụ Quyền - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã số thuế: 0200413504

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	2,909,090	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
	Thép 4 - 12 ly KMK	kg	1000	16,500	16,500,000

Cộng tiền hàng: 16,500,000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 1,600,000

Tổng cộng tiền thanh toán : 18,100,000

Số tiền viết bằng chữ: M- ời sáu triệu lăm trăm ngàn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11 :Trích hoá đơn GTGT 10580

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu số 2.12:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số : 30

-Họ và tên người nhận hàng :Cộng ty CP TM DV Tổng hợp Cảng Sài Gòn
-Địa chỉ :số 3 Lò Thỉnh Tụng - Ngũ Quyền - Hải Phòng
-Lý do xuất kho :Xuất bán thộp 4-12 ly KMK
-Xuất tại kho (ngăn lụ) :
-Địa điểm :Số 4 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Hải Phòng

STT	Tồn, nhón hiệu, quy cỏch, phẩm chất vật tự, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mó số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thộp 4-12 ly KMK		kg	1000	1000	15,000	15,000,000
	Cộng						15,000,000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Mười năm triệu đồng chẵn ./.

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu

Người
nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.13:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
30/12/09	PX27	30/12/09	Xuất giỏ vốn Dầu DO- Cty CNTT Ngũ Quyền	6321	22,271,020	
				156		22,271,020
30/12/09	HĐ3515	30/12/09	Doanh thu bán Dầu DO- Cty CNTT Ngũ Quyền	131	29,285,019	
				5111		25,938,199
				3331		2,593,820
				138		753,000
.....						
31/12/09	HĐ4186	31/12/09	Giỏ vốn vận chuyển- Cty CP ĐTM & GN Ánh Dương	6322	32,700,000	
				154		32,700,000
31/12/09	HĐ4186	31/12/09	Doanh thu vận chuyển- Cty CP ĐTM & GN Ánh Dương	131	61,442,000	
				5112		58,516,190
				3331		2,925,810
31/12/09	HĐ10578	31/12/09	Doanh thu thương mại- Cty CPTV&ĐTM Thành Long	131	2,909,090	
				5113		2,909,090
				3331		290,910
31/12/09	HĐ10580	31/12/09	Giỏ vốn thộp 4-12ly KMK – Cty CP TM DV Tổng hợp cảng Sài Gòn	6323	15,000,000	
				156		15,000,000
.....						
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.14:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2009
Tồn tài khoản: Giỏ vốn xăng dầu
Số hiệu: **6321**

Ngày, thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, thông			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phở sinh			
						
29/12/09	PX26	29/12/09	Xuất Dầu DO bỏn cho Cty TNHHTM Gia Trang	156	32,456,000	
30/12/09	PX27	30/12/09	Xuất Dầu DO bỏn cho Cty CPCNTT Ngũ Quyền	156	22,271,020	
30/12/09	PX28	30/12/09	Xuất Dầu DO bỏn cho Cty TNHH Anh Thu	156	23,253,000	
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	K/C GVXD để XEKQKD	911		14007620425
			Cộng số phở sinh		14,007,620,425	14,007,620,425
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giỏm đốc

(Trích Sổ Cỏi TK 6321 Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.15:

Cung ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: **Giỏ vốn thương mại**

Số hiệu: **6323**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
27/12/09	PX21	27/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cộc loại	156	15,356,000	
28/12/09	PX23	28/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cộc loại	156	8,546,250	
31/12/09	PX30	30/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cộc loại	156	15,000,000	
31/12/09	PX31	29/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cộc loại	156	7,969,500	
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	K/C GVXD để XE KQKD	911		2,234,111,221
			Cộng số phát sinh		2,234,111,221	2,234,111,221
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giỏm đốc

(Trích Sổ Cỏi TK 6323 Quý 4 năm 2009)

2.2.3, Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Xuân Hà

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- + Chi phí bán hàng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ lập Sổ Cái tài khoản 642 mà không lập Sổ chi tiết các tài khoản chi tiết 6421 – Chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Và các chứng từ khác có liên quan...

+, Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái tài khoản 642
- Và các sổ kế toán khác có liên quan...

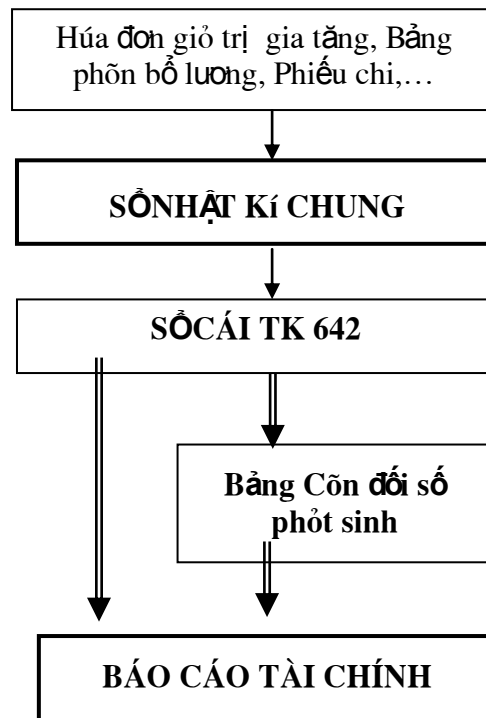
b, Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh
- Và các tài khoản khác có liên quan như tài khoản 111, 112, 133,...

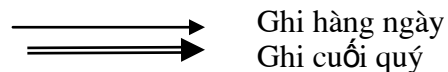
c, Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.8:

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chỳ:



g, VD minh họa thực tế kế toán chi phí hoạt động kinh doanh tại công ty:

Ngày 31/12/09, mua thiết bị văn phòng của Trung tâm thiết bị văn phòng, cộng tiền hàng: 18,413,000 đồng, thuế GTGT : 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán tập hợp chứng từ bao gồm: Hóa đơn Giá trị gia tăng, Phiếu chi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642	: 18,413,000
Nợ TK 133	: 920,650
Có TK 1111	: 19,333,650

Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 642, 133, 111 và các sổ kế toán khác có liên quan...

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Hoá đơn

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL

Giá trị gia tăng

PE/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

0021270

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Trung tâm thiết bị văn phòng

Địa chỉ: 28 Quang Trung - Hải Phòng

Số tài khoản :

Điện thoại:

Mã số thuế: 0200287889002

Họ tên người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Xuân Hà

Địa chỉ: 266D - Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM/CK

Mã số thuế: 0200513104

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2
1	Monitor	c	05	1,815,000	9,075,000
2	chíp	c	07	997,000	6,979,000
3	ổ cứng	c	02	770,000	1,540,000
4	Bàn phím + chuột	bộ	07	117,000	819,000

Cộng tiền hàng:

18,413,000

Thuế suất GTGT: 5%

Tiền thuế GTGT:

2,925,810

Tổng cộng tiền thanh toán :

19,333,650

Số tiền viết bằng chữ: *M- ười chín triệu ba trăm ba ba ngàn sáu trăm năm m- ới đồng*

Ng- ười mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ng- ười bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tr- ợng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17 : Trích hoá đơn GTGT 21270

CÔNG TY TNHH XUÂN HÀ
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số : 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Quyển số :

Số: 42.....

Nợ TK 642: 18,413,000

Nợ TK 133: 920,650

Cú TK 111: 19,333,650

Họ tên người nhận tiền: Trung tẩm thiết bị VP

Địa chỉ :

Lý do chi: Mua ổ cứng+ bàn phím

Số tiền : 19,333,650đ... (Viết bằng chữ): Mười chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi nghìn đồng.

Kiểm theo : 01.... Chứng từ gốc: HĐ 21270

.....Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giỏm đốc	Kế toán	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(ký, họ tên, đúng dấu)	trưởng (ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giỏ ngoại tồ(vàng, bạc, đồ quý)

+ Số tiền quy đổi

Biểu số 2.17:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG
Năm 2009

Ngày, thống ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày thống			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
28/12/09	PC40	31/12/09	Mua văn phòng phẩm-CH Nguyễn Đức Cảnh	642	350,000	
				133	35,000	
				1111		385,000
31/12/09	HĐ21270	31/12/09	Mua thiết bị văn phòng	642	18,413,000	
				133	920,650	
				1111		19,333,650
31/12/09	BCCT12/09		Lương thồm giờ VP T12/09	642	30,315,000	
				334		30,315,000
.....						
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.18:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: **642**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
28/12/09	PC40	31/12/09	Mua văn phòng phẩm-CH Nguyễn Đức Cảnh	1111	350,000	
31/12/09	HĐ21270	31/12/09	Mua thiết bị văn phòng	1111	18,413,000	
31/12/09	BCCT12/09	31/12/09	Lương thồm giờ VP T12/09	334	30,315,000	
.....						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	K/C GVXD để XE KQKD	911		659,515,816
			Cộng số phát sinh		659,515,816	659,515,816
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giỏm đốc

(Trích Sổ Cái TK 642 Quý 4 năm 2009)

2.2.4, Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Xuân Hà

2.2.4.1, Kế toán doanh thu tài chính

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, TK 112...

a, Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Sổ chi tiết tài khoản của ngân hàng
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Và các chứng từ khác có liên quan...

b, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

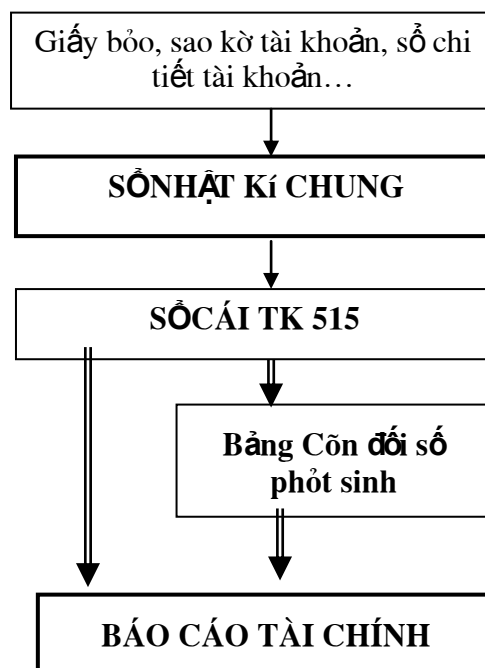
Tài khoản 112

Và các tài khoản khác có liên quan ...,

c, Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.9:

Quy trình luân chuyển chứng từ



h, VD minh họa thực tế kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Ngày 31/12/09 nhận được Giấy báo lãi của ngân hàng Ngô quyền về lãi tiền gửi được hưởng

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán tập hợp chứng từ bao gồm:

° Sao kê tài khoản chi tiết

° Giấy báo lãi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1121B : 335,210

Có TK 515 : 335,210

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái tài khoản 515, 112, Sổ chi tiết tài khoản 1121B.

Biểu số 2.19:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phở sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
31/12/09	GBL	31/12/09	Lối tiền gửi - NH Exim	1121E	44,845	
				515		44,845
31/12/09	GBL35	31/12/09	Lối tiền gửi - NH Ngũ Quyền	1121B	335,210	
				515		335,210
31/12/09	GBN	31/12/09	Cty TNHH Lụi Châu trả tiền vận chuyển	1121B	24,000,000	
				131		24,000,000
.....						
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giỏm đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.20:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
31/12/09	GBL	31/12/09	Lãi tiền gửi-NH Exim	1121E		44,845
31/12/09	GBL	31/12/09	Lãi tiền gửi-NH Ngũ Quyền	1121B		335,210
31/12/09	GBL	31/12/09	Lãi tiền gửi-NH ACB	1121F		9,028
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	Kết chuyển DTXD để XĐ KQKD	911	1,360,692	
			Cộng số phát sinh		1,360,692	1,360,692
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích Sổ Cái TK 515 Quý 4 năm 2009)

2.2.4.2, Kế toán chi phí tài chính

Kế toán chi phí hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền vay ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, TK 112...

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Sổ kế toán chi tiết của ngân hàng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

b, Tài khoản sử dụng:

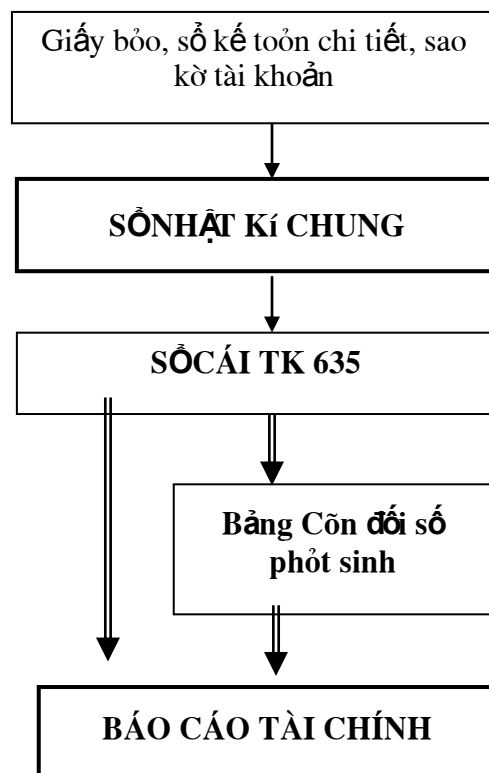
TK sử dụng: TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính

TK 112

Và các tài khoản có liên quan

c, Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí tài chính



i, VD minh họa thực tế kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty

Ngày 31/12/09, nhận được Giấy báo của ngân hàng Eximbank về tiền lãi
vay phải trả : 2,372,861 đồng

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nhận được Giấy báo của ngân hàng, kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 2,372,861

Có TK 1121E : 2,372,861

Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 635, 112

Kế toán ghi Sổ chi tiết tài khoản 1121E

Biểu số 2.21:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngụ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Ngày, thống ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày thống			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
31/12/09	GBL785.11	31/12/09	Trả lời mún 758.11(T12/09)- NH Exim	635	4,632,667	
				1121E		4,632,667
31/12/09	GBL- EX	31/12/09	Lãi tiền vay- NH	635	2,372,861	
			Eximbank	1121E		2,372,861
31/12/09	GBL-NQ	31/12/09	Trả lời mún 758.12(T12/09)- NH Ngụ Quyền	635	146,956,264	
				1121B		146,956,264
.....						
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.22:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: **635**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
						
31/12/09	GBL 785.11	31/12/09	Trả lời mún 758.11(T12/09)-NH Exim	1121E	4,632,667	
31/12/09	GBL- EX	31/12/09	Lãi tiền vay- NH Eximbank	1121E	2,372,861	
31/12/09	GBL- NQ	31/12/09	Trả lời mún 758.12(T12/09)- NH Ngũ Quyền	1121B	146,956,264	
						
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	K/C GVXD để XE KQKD	911		925,621,499
			Cộng số phát sinh		925,621,499	925,621,499
			Số dư cuối quý			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc

(Trích Sổ Cái TK 635 Quý 4 năm

2009.)

2.2.5, Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xuân Hà

Sau khi tập hợp chi phí, doanh thu, xác định doanh nghiệp có lãi, kế toán doanh nghiệp tiến hành tính thuế thu nhập doanh nghiệp, xác định thuế chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng doanh} \\ \text{thu thuần} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí hợp lý} \\ \text{hợp lệ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế} \\ \text{thu nhập doanh nghiệp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu} \\ \text{nhập doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau} \\ \text{thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

+, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “ Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Cuối năm dựa trên số thuế Thu nhập doanh nghiệp thực tế, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh số thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2009, công ty áp dụng Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%

$$\text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{thu nhập doanh nghiệp}} * \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

a, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 3334 – Thuế thu nhập doanh nghiệp

k, VD minh họa, thực tế kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Cuối quý, ngày 31/12/09, doanh nghiệp tập hợp doanh thu, chi phí và kết chuyển sang tài khoản 911

Nợ 5111	16,057,070,365	Nợ 911	26,810,019,751
Nợ 5112	: 8,817,140,337	Cú 6321	: 14,007,620,425
Nợ 5113	: 2,765,165,721	Cú 6322	: 8,983,150,790
Nợ 515	: 1,360,692	Cú 6323	: 2,234,111,221
Cú 911	: 27,640,737,115	Cú 635	: 925,621,499
		Cú 642	: 659,515,816

Bù trừ hai bên Nợ - Có của tài khoản 911, kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Kế toán định khoản:

Số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ TK 821 : 230,600,862

Cú TK 3334 : 230,600,862

Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911 : 232,600,862

Cú TK 821 : 232,600,862

Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển lãi:

Nợ TK 911 : 598,116,502

Cú TK 421 : 598,116,502

Kế toán ghi sổ Nhật ký chung

Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 911, 421 và các sổ kế toán khác có liên quan

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu 2.23

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 25/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản		
Ngày	Số		Nợ	Có	Số tiền
31/12		Giỏ vốn xăng dầu 911-> 6321	911	632 1	14,007,620,42 5
31/12		Giỏ vốn vận chuyển 911-> 6322	911	632 2	8,983,150,790
31/12		Giỏ vốn xăng dầu 911-> 6323	911	632 3	2,234,111,221
31/12		Chi phí hđ tài chính 911-> 635	911	635	925,621,499
31/12		Chi phí quản lý kinh doanh 911-> 642	911	642	659,515,816
31/12		Doanh thu xăng dầu 5111 -> 911	511 1	911	16,057,070,36 5
31/12		Doanh thu vận chuyển 5111 -> 911	511 2	911	8,817,140,337
31/1 2		Doanh thu thương mại 5111 -> 911	511 3	911	2,765,165,721
31/1 2		Doanh thu hđ tài chính 515 -> 911	515	911	1,360,692
Tổng cộng					54,504,756,86

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu 2.24

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải
Phùng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 26/12
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản		
Ngày	Số		Nợ	Có	Số tiền
31/12		Thuế TNDN phải nộp quý 4/2009	821	3334	232,600,862
Tổng cộng					232,600,862

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 27/12
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản		
Ngày	Số		Nợ	Có	Số tiền
31/12		Kết chuyển chi phí Thuế TNDN	911	821	232,600,862
Tổng cộng					232,600,862

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

PHIẾU KẾ TOÁN
Số 28/12
Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng Từ		Nội dung	Tài Khoản		
Ngày	Số		Nợ	Có	Số tiền

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

31/12		Kết chuyển lãi	911	4212	598,116,502
Tổng cộng					598,116,502

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Biểu số 2.25:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2009

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
.....						
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Giỏ vốn xăng dầu	911 6321	14,007,620,425	14,007,620,425
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Giỏ vốn vận chuyển	911 6322	8,983,150,790	8,983,150,790
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Giỏ vốn thương mại	911 6323	2,234,111,221	2,234,111,221
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Chi phí hỗ trợ tài chính	911 635	925,621,499	925,621,499
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Chi phí QLKD	911 642	659,515,816	659,515,816
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Doanh thu xăng dầu	5111 911	16,057,070,365	16,057,070,365
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Doanh thu vận chuyển	5112 911	8,817,140,337	8,817,140,337
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Doanh thu thương mại	5113 911	2,765,165,721	2,765,165,721
31/12/09	PKT25/12	31/12	KC Doanh thu hỗ trợ tài chính	515 911	1,360,692	1,360,692
...						
31/12/09	PKT26/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp Q4/09	821 3334	232,600,862	232,600,862
31/12/09	PKT27/12	31/12	KC CP thuế TNDN	911 821	232,600,862	232,600,862
31/12/09	PKT28/12	31/12	KC lãi	911 421.2	598,116,502	598,116,502
.....	...					
			Cộng		216,287,439,706	216,287,439,706

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán
trưởng

Giỏm đốc

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu số 2.26:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngụ Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: **821**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phở sinh			
31/12/09	PKT26/12	31/12	Thuế TNDN phải nộp Q4/09	3334	230,600,862	
31/12/09	PKT27/12	31/12	KC CP thuế TNDN Q4/09	911		232,600,862
			Cộng số phở sinh		232,600,862	232,600,862
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giỏm đốc

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu số 2.27:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: **911**

Ngày, tháng	Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
			Nợ	Cú
31/12/09	KC Giỏ vốn xăng dầu	6321	14,007,620,425	
31/12/09	KC Giỏ vốn vận chuyển	6322	8,983,150,790	
31/12/09	KC Giỏ vốn thương mại	6323	2,234,111,221	
31/12/09	KC Chi phí hđ tài chính	635	925,621,499	
31/12/09	KC Chi phí QLD	642	659,515,816	
31/12/09	KC Doanh thu xăng dầu	5111		16,057,070,365
31/12/09	KC Doanh thu vận chuyển	5112		8,817,140,337
31/12/09	KC Doanh thu thương mại	5113		2,765,165,721
31/12/09	KC Doanh thu hđ tài chính	515		1,360,692
31/12/09	KC Chi phí thuế TNDN	821	232,600,862	
31/12/09	KC Lãi	421.2	598,116,502	
	Cộng		27,640,737,115	27,640,737,115

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Biểu số 2.28:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: **421**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			1,914,208,074
			Số phát sinh			
31/12/09	PKT28/12		KC lãi quý 4/2009	911		598,116,502
			Cộng số phát sinh			598,116,502
			Số dư cuối kỳ			2,512,324,576

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

CHƯƠNG III :

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XUÂN HÀ

3.1, Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Công ty TNHH Xuân Hà là một công ty có uy tín lớn trên thị trường. Đến nay, sau hơn 5 năm hoạt động hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn, công ty đã đạt được những thành tích đáng nể:

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Kết quả là hai cán bộ kế toán của công ty đã nhận được Bằng khen của Cục thuế năm 2007, 2008.

Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Đặc biệt, vì kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, lĩnh vực phụ thuộc rất lớn đến chất lượng tay nghề của đội ngũ lái xe nên hàng quý, hàng năm công ty luôn tổ chức các đợt khám sức khỏe cũng như kiểm tra, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ lái xe, có chế độ khen thưởng, bảo hiểm, đảm bảo cho mỗi chuyến xe hàng luôn được an toàn, nhanh chóng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.1.1, Ưu điểm:

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Mỗi nhân viên kế toán trong công ty phụ trách một phần hành kế toán riêng biệt giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa, tiết kiệm thời gian, chi phí và chính xác hơn.

Về hình thức kế toán:

Công ty kinh doanh dịch vụ vận tải, thương mại về sắt thép nhập khẩu, đại lý xăng dầu nhớt các loại, trong giai đoạn này giá cả biến động hàng ngày, chính vì vậy, công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp, giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin đầy đủ kịp thời.

Với sự hỗ trợ của kế toán máy Excel, việc ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được nhanh chóng hơn, tiết kiệm thời gian và công sức.

Về chứng từ kế toán sử dụng:

Công ty sử dụng đúng chứng từ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính).

Chứng từ kế toán của công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có đủ chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan quản lý kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

Về sổ sách kế toán sử dụng:

Sổ sách kế toán của công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước.

Theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra nhưng sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế, tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu.

Về hệ thống báo cáo kế toán:

Công ty sử dụng đúng mẫu báo cáo kế toán do Nhà nước quy định dành cho Chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Về phương thức thanh toán:

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản được sử dụng nhiều hơn cả. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt chủ yếu được công ty sử dụng với phương thức bán lẻ tại cửa hàng xăng dầu. Vì tại cửa hàng xăng dầu, hàng ngày có rất nhiều khách mua lẻ xăng dầu, số tiền ít nên chỉ phù hợp với phương thức thanh toán bằng tiền mặt, thu tiền ngay.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản được công ty sử dụng chủ yếu trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát...

3.1.2, Hạn chế

Về chính sách bán hàng:

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Ảnh hưởng : Sẽ làm cho doanh nghiệp không có thêm những bạn hàng mới đồng thời cũng có thể sẽ làm mất đi những khách hàng quen thuộc hay những khách hàng tiềm năng. Như vậy sẽ dẫn đến việc doanh thu của doanh nghiệp bị giảm đi, vốn của doanh nghiệp sẽ bị chiếm dụng

Về sổ kế toán sử dụng:

Theo nguyên tắc kế toán, Sổ Cái được mở cho tài khoản tổng hợp cấp một, Sổ chi tiết tài khoản được mở cho tài khoản chi tiết cấp hai. Tuy nhiên, hiện nay công ty không mở Sổ Cái cho “Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, “Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán” mà mở Sổ Cái cho tài khoản cấp hai 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323.

Ảnh hưởng : Doanh nghiệp không xác định được tổng hợp doanh thu. và tổng hợp giá vốn ngay được nêu cần. Mà phải tập hợp tất cả các sổ cái của từng loại doanh thu và từng loại giá vốn sẽ làm mất thời gian, gây chậm trễ trong quá trình hạch toán.

3.2, Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Xuân Hà

3.2.1: Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán

Hiện nay, công ty không lập Sổ Cái cho “Tài khoản tổng hợp 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán” và các sổ chi tiết 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323 mà lập Sổ Cái cho các tài khoản chi tiết.

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại công ty TNHH Xuân Hà*

Công ty nên mở Sổ Cái cho các tài khoản tổng hợp 511, 632 và các sổ chi tiết 5111, 5112, 5113, 6321, 6322, 6323 kết hợp với Sổ tổng hợp doanh thu bán hàng và Sổ tổng hợp giá vốn hàng quý, hàng năm của công ty để công việc đối chiếu, kiểm tra được dễ dàng, số liệu được chính xác, tránh sai sót.

Hiện nay, với sự giúp đỡ của máy vi tính thì mở thêm sổ mới khá dễ dàng.

Ngoài ra, với việc mở thêm TK chi tiết 642, 521, đồng thời kế toán mở thêm các Sổ chi tiết TK 6421, 6422, 5211, 5212, 5213, Bảng tổng hợp chi tiết.

Vì các tài khoản loại 5 và loại 6 không có số dư, nên có thể mở Sổ chi tiết tài khoản với mẫu sau:

Đơn vị :.....

Mẫu số S35- DN

Địa chỉ :.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tồn sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ).....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng năm	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Cờn khoản tónh trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượn g	Đơn giỏ	Thành tiền	Th uế	Khỏn (521,531,53 2)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phỏ sinh						
			-Doanh thu thuần						
			-Giỏ vốn hàng bỏn						
			-Lỏi gộp						

Sổ này cú.....đỏnh số từ trang

01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày....
Thỏng.....Năm....
Kế toỏn trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Công ty TNHH Xuân Hà
266D- Đà Nẵng- Ngũ Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ XSKD

Tài khoản :

Tồn sản phẩm :

Năm :

Ngày thông ghi sổ	Chứng từ				Ghi Nợ Tài Khoản			
	Số hiệu	Ngày,thông			Tổng số tiền	Chia ra		
						64211	64212	
			Diễn giải	TK đối ứng				
.			SDEK					
			SPS					
							.	
.....								
			Cộng số phát sinh					
			-ghi cú TK					
			-Số dư cuối kỳ					

Sổ này có.....đồng số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày..Tháng..Năm..
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ 01:

Ngày 30/12/2009, xuất kho

1675 lít Dầu DO (từ 15/12 - 24/12)

° Giá vốn : 15,335,620 đồng

° Thành tiền : 17,815,920 đồng

835 lít Dầu DO từ 24/12 - 30/12

° Giá vốn : 6,935,400 đồng

° Thành tiền : 8,122,279 đồng

Bán cho Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền.

Lệ phí xăng dầu : 300 đ/lít

Thuế GTGT 10%

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán định khoản:

° Giá vốn:

° Nợ TK 6321 : 22,271,020

Có TK 156 : 22,271,020

Giá bán:

Nợ TK 131 : 29,285,019

Có TK 5111 : 25,938,199

Có TK 3331 : 2,593,820

Có TK 138 : 753,000

+, Kế toán lập Phiếu xuất kho (Biểu số 2.15)

+, Kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1 và Biểu số 2.17)

+, Kế toán ghi Sổ Cái tài khoản 511, Sổ Cái tài khoản 632, và các Sổ Cái các tài khoản có liên quan.

+, Kế toán ghi Sổ chi tiết tài khoản 5111, Sổ chi tiết tài khoản 6321.

+, Và các sổ kế toán khác có liên quan.

Cuối quý, cuối năm kế toán lập Bảng tổng hợp Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Bảng tổng hợp Giá vốn hàng bán

Biểu số 3.1:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tồn tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: **511**

Ngày, thông ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKẾ	Số tiền	
	Số hiệu	Chứng từ			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....						
30/12/09	HEB3578	30/12/09	Dầu DO- Cảng HP	131		29,345,250
30/12/09	HEB3515	30/12/09	Dầu DO- Cty CP CN tàu thủy NQ	131		25,938,199
	...	...				
31/12/09	HEĐ4256	31/12/09	Cước vc-Cty TNHH Đại Xanh	131		42,744,300
31/12/09	HEĐ4186	31/12/09	Cước vận chuyển- Cty CP TMGNVT Ánh Dương	131		58,516,190
...	...	...				
31/12/09	HEĐ10253	31/12/09	Phó giao nhận-Cty TNHH Charoen	131		4,761,905
31/12/09	HEĐ10578	31/12/09	Phó lưu ca xe- Cty CP TV & ĐTM Thành Long	131		2,909,090
...	...	...				
31/12/09			K/c DTBH và CCDV 511-> 911	911	27,639,376,4288	
			Cộng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Biểu số 3.2:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D- Đà Nẵng- Ngũ Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S35- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tồn sản phẩm : Dầu DO

Năm : 2009

Quyển số:.....

Ngày thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Cổ khoản tống trừ	
	Số hiệu	Ngày, thông			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khắc (521,531,532)
			SPS						
.....									
				131	1675	10636,4	17,815,920		
30/12/09	HĐ33578	30/12/09	Dầu DO - Cty CP CN tàu thủy NG	131	835	9727,18	8,122,279		
			Lệ phí xăng dầu	131	2510	300	753	2,593,820	
.....									
31/12/09	PKT25/12	31/12/09	K/c DTXD	911			16,057,070,365		
			Cộng số phát sinh		2510		16,057,070,365		
			-Doanh thu thuần				16,057,070,365		
			-Giỏ vốn hàng bán				12,576,253,150		
			-Lợi gộp				3,480,817,210		

Sổ này có.....đồng số từ trang 01 đến
trang....

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.... Tháng.....Năm....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Biểu số 3.3:

Công ty TNHH Xuân Hà
266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Quý 4 năm 2009

Tồn tài khoản: Giỏ vốn hàng bán

Số hiệu: **632**

Ngày, thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, thông			Nợ	Cú
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....						
27/12/09	PX 21	27/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cốc loại	156	15,356,000	
28/12/09	PX 23	27/12/09	Xuất giỏ vốn thộp cốc loại	156	8,546,250	
.....						
29/12/09	PX 26	29/12/09	Xuất Dầu DO bán cho Cty TNHH TM Gia Trang	156	32,456,000	
30/12/09	PX 27	30/12/09	Xuất Dầu DO bán cho Cty CPCNTT Ngũ Quyền	156	22,271,020	
30/12/09	PX 28	30/12/09	Xuất Dầu DO bán cho Cty TNHH Anh Thu			
						
31/12/09			Giỏ vốn vận chuyển- Cty CP Long Thành	154	23,000,000	
31/12/09			Giỏ vốn vận chuyển- Cty CP ĐTM & GNV T Ánh Dương	154	32,700,000	
.....						
31/12/09	PKT25/12		Kết chuyển 632-> 911	911		25,224,882,43
			Cộng số phát sinh			
			Số dư cuối tổng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 3.4:

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D- Đà Nẵng- Ngũ Quyền- Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ XSKD
Tài khoản : 632 - Giỏ vốn hàng bán
Tồn sản phẩm : Dầu DO
Năm 2009

Ngày thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản			
	Số hiệu	Ngày,thông			Tổng số tiền	Chia ra		
						64211	64212	
.			SDEK					
			SPS					
29/12/09	PX26	29/2/09	Xuất dầu DO - CTy TNHH Gia Trang	156	32,456,000			
30/12/09	PX27	30/12/09	Xuất dầu DO - CTy CPCNTT Ngũ Quyền	156	22,271,020			
30/12/09	PX28	30/12/09	Xuất dầu DO - CTy TNHH Anh Thu	156	30,748,600		.	
.....								
			Cộng số phát sinh		12,010,320,415			
			-ghi cú TK 632		12,010,320,415			
			-Số dư cuối kỳ					

Sổ này cú.....đồng số từ trang 01 đến trang....

Ngày mở sổ:.....

3.2.2: Hoàn thiện về chính sách bán hàng

Là một công ty có uy tín lớn trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng giá trị lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên, trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như:

Mở thêm đại lý xăng dầu

Mở chi nhánh ở các tỉnh, thành phố khác để tìm kiếm bạn hàng mới, khách hàng mới cũng như để quảng bá thương hiệu của công ty.

Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

Với mặt hàng xăng dầu, sắt thép: khách hàng của công ty chủ yếu của công ty thường là những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên chính sách chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán áp dụng là phù hợp. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 2% trên trị giá lô hàng hoặc phần trăm giảm giá cho phù hợp.

Ngoài ra, trong nghiệp vụ vận chuyển thường xảy ra rủi ro như giao chậm hàng, tai nạn giao thông, do kỹ thuật, ý thức lái xe, ... vì vậy khi có thông báo xảy ra rủi ro của khách hàng, công ty nên cử người kiểm tra, nếu đúng là trách nhiệm thuộc về công ty, công ty nên chấp nhận giảm giá cho khách hàng trên số hàng bị mất phẩm chất dù khách hàng có yêu cầu giảm giá hay không để đảm bảo uy tín, chất lượng sản phẩm, dịch vụ của công ty.

Với dịch vụ cho thuê kho bãi: chính sách giảm giá cho thuê là phù hợp nhằm khuyến khích khách hàng thuê với thời gian dài.

3.2.3: Hoàn thiện về chính sách chiết khấu

Với chính sách chiết khấu, giảm giá nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm “Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu” với hai tài khoản chi tiết:

Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211 - Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào “Tài khoản tổng hợp 642 – Chi phí quản lý kinh doanh”. Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên mở chi tiết “Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh” thành hai tài khoản chi tiết:

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng: dùng để phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: dùng để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 02:

Ngày 25/12/2009, mua văn phòng phẩm cho bộ phận văn phòng, trong đó:

Bộ phận quản lý : 5,000,000 đồng

Bộ phận bán hàng : 3,000,000 đồng

Thuế suất thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Phiếu chi, kế toán định khoản:

Nợ TK 64213 : 5,000,000

Nợ TK 64223 : 3,000,000

Nợ TK 133 : 800,000

Có TK 111 : 8,800,000

*Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
công ty TNHH Xuân Hà*

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D- Đà Nẵng- Ngũ Quyền- HP

Mẫu số S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ XSKD

Tài khoản : 642- chi phí kinh doanh

Tồn sản phẩm : Bộ phận bán hàng

Năm : 2009

Ngày thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản			
	Số hiệ u	Ngày,thông			Tổng số tiền	Chia ra		
						64211	64212	64213.
			Diễn giải					
.			SDEK					
			SPS					
.....								
25/12/09	HĐ	25/12/09	Mua văn phũng phẩm cho BPBH	111	3,000,000			3,000,000
31/12/09		31/12/09	KC 6421->911		3,000,000		.	
.....								
			Cộng số phỏt sinh		3,000,000			
			-ghi cú TK					
			-Số dự cuối kỳ					

Sổ này cú.....đính số từ trang 01
đến trang....
Ngày mở
sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Cộng ty TNHH Xuân Hà
266D- Đà Nẵng- Ngũ Quyền- HP

Mẫu số S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ XSKD

Tài khoản : 642- chi phí kinh doanh

Tồn sản phẩm : Bộ phận quản lý

Năm : 2009

Ngày thông ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài Khoản			
	Số hiệu	Ngày,thông			Tổng số tiền	Chia ra		
						64211	64212	64213.
			SĐEK					
			SPS					
.....								
25/12/09	HĐ	25/12/09	Mua văn phũng phẩm cho BPBH	111	5,000,000		5,000,000	
31/12/09		31/12/09	KC 6421->911		5,000,000	.		
.....								
			Cộng số phỏt sinh		5,000,000			
			-ghi cú TK					
			-Số dư cuối kỳ					

Số này cú.....đồng số từ trang 01
đến trang....
Ngày mở
sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

3.2.4: Hoàn thiện về phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty hiện nay có Bảng báo cáo kết quả kinh doanh nhưng lại chưa tiến hành phân tích để thấy sự biến động của doanh thu và các chỉ tiêu khác. Do đó công ty nên tiến hành phân tích Bảng báo cáo kết quả kinh doanh.. Em xin đưa ra bảng phân tích sau :

Bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty như sau

Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xuân Hà

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009:

Cộng ty TNHH Xuân Hà

266D - Đà Nẵng - Ngũ Quyền - Hải Phòng

Mẫu số B02-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mô số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		87,014,688,593	132,973,836,901
2. Cước khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		87,014,688,593	132,973,836,901
4. Giá vốn hàng bán	11		80,586,900,734	127,029,273,994
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		6,427,787,859	5,944,562,907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,558,726	10,393,301
7. Chi phí tài chính	22		2,945,343,052	2,356,749,933
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,945,343,052	2,356,749,933
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		2,068,234,714	1,525,635,406
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1,416,768,819	2,072,570,869
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		0	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,416,768,819	2,072,570,869
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		354,192,205	518,142,717
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1,062,576,614	1,554,428,152

Lập, ngày 31 tháng 1 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một bản báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động của doanh nghiệp. Số liệu trên báo cáo này cung cấp những thông tin tổng hợp về phương thức kinh doanh, về việc sử dụng các tiềm năng vốn, lao động, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý của doanh nghiệp và chỉ ra rằng các hoạt động kinh doanh đó đem lại lợi nhuận hay gây ra tình trạng lỗ vốn. Đây là một bản báo cáo tài chính được các nhà lập kế hoạch rất quan tâm, vì nó cung cấp các số liệu về hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện được trong kỳ. Nó được xem là một bản hướng dẫn để dự báo xem doanh nghiệp sẽ hoạt động ra sao trong tương lai.

Qua báo cáo kết quả kinh doanh ta thấy:

Năm 2009 so với năm 2008:

Doanh thu thuần giảm 45,959,148,308 đồng, tương ứng 34.6%. Tuy nhiên do giá vốn giảm mạnh 46,442,373,260 đồng, tương ứng 36.6% nên đã làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên là 483,224,952 đồng, tương ứng 8.13%.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 7,834,575 đồng, tương ứng 75.4%. Tuy nhiên do chi phí tài chính tăng mạnh 588,593,119 đồng, tương ứng 27.97% và chi phí quản lý kinh doanh cũng tăng mạnh 542,599,308 đồng, tương ứng 35.57% nên đã làm cho lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh giảm 655,802,050 đồng, tương ứng 31.6%.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng lên nhưng lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh lại giảm, và do tốc độ tăng của lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ chậm hơn tốc độ giảm của lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nên đã làm cho Lợi nhuận trước thuế năm 2009 giảm đi so với năm 2008 là 655,802,050 đồng tương ứng 31.6%.

Qua 3 năm, năm ta thấy, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2009 là thấp nhất, năm 2008 cao nhất. Sở dĩ như vậy là do:

Cuối năm 2004 công ty tăng vốn góp lên 300% tương đương với 10 tỷ đồng. Với số vốn tương đối lớn như vậy, sang năm 2005, công ty bổ sung ngành nghề, tháng 12/2004 khi doanh nghiệp bắt đầu chuyển sang kinh doanh thêm mặt hàng sắt thép, doanh thu của tháng này đã tăng lên đáng kể so với các tháng trước trong năm, tuy nhiên chỉ sang năm 2005 doanh thu của loại hình kinh doanh này mới thực sự tăng. Năm 2005 công ty liên tục ký hợp đồng nhập khẩu hàng sắt thép nguyên liệu các loại từ các nước như Nga, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc,... và một số nhà máy lớn trong nước. Bên cạnh đó, lĩnh vực vận tải hàng hoá nội địa cũng tăng đáng kể do nhu cầu nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trong năm 2005 tăng so với các năm trước. Công ty cũng mở rộng thị phần trong lĩnh vực vận tải đến một số tỉnh miền Trung, tăng thêm sản lượng vận chuyển. Công ty cũng đầu tư nâng cấp toàn bộ hệ thống phương tiện vận tải, thay thế hàng loạt đầu kéo cũ, mua mới 20 đầu kéo nhãn hiệu International, đào tạo thêm cho lái xe và đội ngũ cán bộ giao nhận.

Sau hàng loạt các hoạt động thay đổi đó, qua 2 năm hoạt động, đến năm 2007, công ty đã tạo được uy tín lớn trên thị trường vận tải, do đó nhận được nhiều đơn chào hàng của các chủ hàng. Năm 2007, công ty ký được hợp đồng vận tải chuyên tuyến với một số chủ hàng lớn, chuyên vận tải về sắt thép nguyên liệu..... Công ty lại đồng thời là nhà nhập khẩu sắt thép nên các bạn hàng trong cùng lĩnh vực nhập khẩu sắt thép đều biết đến và đó chính là một nguồn hàng tương đối tốt cho công ty.

Năm 2008, doanh thu của công ty tăng cao dù năm 2008 là năm diễn biến giá sắt thép, xăng dầu có nhiều biến động. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do trong năm 2008, công ty quyết định đầu tư mở rộng và xây lại nhà kho kiên cố, thoáng mát, đạt tiêu chuẩn. Với uy tín đã có sau 3 năm hoạt động, công ty đã ký được nhiều hợp đồng lớn cho thuê kho bãi, giúp doanh thu của công ty tăng mạnh. Về doanh thu hoạt động tài chính, năm 2008 cao nhất trong 3 năm là hợp lý do doanh thu thuần của năm 2008 là cao nhất nên vốn bằng tiền của công ty cũng tăng theo.

Tuy nhiên, sang năm 2009, doanh thu của hoạt động giao nhận vận tải, dịch vụ kèm theo vận tải, kho bãi giảm sút so với năm trước rất nhiều. Nguyên nhân do các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đã có kinh nghiệm nhiều trong lĩnh vực này và thủ tục hải

quan đã đơn giản hoá rất nhiều do vậy họ trực tiếp làm mà không phải qua thuê dịch vụ. Ngoài ra còn do giá cả trong nước và nước ngoài đột ngột chênh lệch quá lớn.

Chi phí hoạt động tài chính và chi phí quản lý kinh doanh năm 2009 tăng mạnh do năm 2009 chịu ảnh hưởng của lạm phát và do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế Mỹ có công tác bảo dưỡng xe cộ phương tiện chưa tốt nên tăng về chi phí sửa chữa nhỏ và vừa. Riêng các phương tiện bốc xếp như xe nâng, xe cẩu để phục vụ cho việc cầu hàng sắt thép tại kho, nâng container vận chuyển hàng rời đến kỳ lên đà sửa chữa nên tăng về chi phí sửa chữa lớn. Công ty bổ sung thêm đội xe, tăng thêm công nhân giao nhận, bốc xếp, công nhân lái phụ xe do vậy chi phí về lương, BHXH, kinh phí công đoàn cũng tăng theo.

Còn đối với hoạt động đại lý xăng dầu cho Tổng công ty xăng dầu khu vực III và một số nhà phân phối dầu nhờn khác thì lợi nhuận đem lại cho công ty ổn định. Vì công ty hoạt động đa ngành nghề, các ngành nghề lại đan xen, liên kết với nhau nên việc làm đại lý xăng dầu là một quyết định sáng suốt của Hội đồng quản trị công ty. Vì công ty có lợi thế là có thâm niên trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, có nhiều bạn hàng, sản lượng hàng vận tải cao, khi đội xe của công ty không đáp ứng được nhu cầu vận tải của khách hàng thì sẽ được điều chuyển cho các đội xe vệ tinh của công ty. Do vậy mà các đội xe này buộc phải lấy nhiên liệu từ chính công ty Xuân Hà. Mặt khác, chính đại lý xăng dầu của công ty lại cung cấp trực tiếp nhiên liệu cho đội xe phục vụ cho hoạt động vận tải. Đây chính là một trong những hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty mà trong năm 2009 và 2008 không bị thua lỗ, lấy lãi bù lỗ cho các hoạt động kinh doanh khác.

Ngoài ra công ty nên lập thêm Bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho thấy một tóm lược dòng tiền trong một thời kỳ. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, hay còn gọi là báo cáo dòng tiền hay báo cáo nguồn và sử dụng nguồn, thể hiện cách nhìn về dòng tiền hoạt động, dòng tiền đầu tư, và dòng tiền tài trợ.

Hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí mà bản chất là quá trình tiêu thụ hàng hóa một phần được thể hiện trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ qua các chỉ tiêu

nghĩa là: Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính,...

Năm 2009 là năm công ty mới lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cả năm 2009. Công ty nên tiếp tục lập để có số liệu so sánh, từ đó thấy rõ hơn sự luân chuyển của dòng tiền, giúp công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hiệu quả hơn, giúp chủ doanh nghiệp đánh giá đúng tình hình thực tế và đưa ra những chiến lược kinh doanh hiệu quả.

3.2.5: Các giải pháp khác

Hoàn thiện về phân tích báo cáo tài chính:

Hàng năm, công ty nên tiến hành phân tích báo cáo tài chính (hay phân tích tình hình tài chính) nhằm làm rõ xu hướng, tốc độ tăng trưởng, thực trạng tài chính của doanh nghiệp, chỉ ra những thế mạnh và cả tình trạng bất ổn nhằm đề xuất những biện pháp quản trị tài chính đúng đắn và kịp thời để phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Hoàn thiện về ứng dụng phần mềm kế toán.

Đến năm 2009, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Công ty nên kết hợp kế toán máy Excel và phần mềm kế toán máy nhằm phát huy được những ưu điểm, hạn chế được những nhược điểm của hai hình thức.

Hoàn thiện về việc tuyển thêm nhân viên kế toán

Hiện nay, nhân viên kế toán tổng hợp của công ty ngoài công việc của kế toán tổng hợp còn phụ trách công việc quan hệ, giao dịch với các ngân hàng, làm nghiệp vụ ngân hàng, đi lại thường nhiều, thường xuyên. Do đó, công việc nhiều lúc bị dồn ứ, quá tải. Vì vậy, công ty nên tuyển mới, đào tạo một nhân viên kế toán để hỗ trợ, giúp đỡ cho nhân viên kế toán tổng hợp, giúp cho công việc kế toán được nhanh chóng, hiệu quả.

KẾT LUẬN

Công ty TNHH Xuân Hà là một công ty vận tải xăng dầu có uy tín lớn ở Hải Phòng nói riêng và thị trường trong nước nói chung, trong năm 2009 vừa qua đã có những biến đổi lớn. Cùng quá trình vận động của đất nước, cùng với sự trỗi dậy của nền sản xuất hàng hoá đất nước, Công ty TNHH Xuân Hà đã có những thành tích tốt.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức và sự hiểu biết đã được học tại trường, được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tình của trường Đại học dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Ths. Nguyễn Thị Mai Linh**- Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên công ty TNHH Xuân Hà, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Thị Mai Linh, đã tận tình chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cán bộ kế toán của công ty TNHH Xuân Hà đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1,** Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.
 - 2,** Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Thống kê.
 - 3,** Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2007 về Luật xăng dầu.
 - 4,** Nghị định số 78/2000/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2000 về Luật phí xăng dầu.
 - 5,** Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - 6,** Quyết định số 187/2003/QĐ-CP về Quy chế quản lý xăng dầu, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.
 - 7,** Quyết định số 03/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2009 về việc điều chỉnh mức thu phí xăng dầu.
 - 8,** Quyết định số 25/2008/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2008 về việc Xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ năm 2008.
 - 9,** Các bài khóa luận tốt nghiệp năm 2008 của sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.
 - 10,** Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế và các báo kinh tế,...
-